**DỰ THẢO ĐỀ CƯƠNG**

**ĐỀ ÁN XÂY DỰNG TỈNH HÀ TĨNH ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2021-2025**

**PHẦN MỞ ĐẦU:**

**1. Sự cần thiết xây dựng Đề án:**

Triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, từ một tỉnh có điểm xuất phát thấp, điều kiện còn nhiều khó khăn nhưng với sự nỗ lực, quyết tâm cao của Đảng bộ, nhân dân và hệ thống chính trị tỉnh nhà, sự quan tâm, giúp đỡ hiệu quả của Trung ương, với nhiều cách làm sáng tạo, hiệu quả nên Hà Tĩnh đã đạt được nhiều kết quả khá cao, góp phần quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh của tỉnh. Đến nay, có 154 xã đạt chuẩn, chiếm 85% tổng số xã; có 12 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao (sau sáp nhập còn 8 xã); huyện Nghi Xuân, Can Lộc đạt chuẩn nông thôn mới; thị xã Hồng Lĩnh và Thành phố Hà Tĩnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới; 3 huyện Lộc Hà, Vũ Quang, Đức Thọ có 100% số xã đạt chuẩn nông thôn mới; tỷ lệ hộ nghèo còn 4,53%; thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn đạt 30,5 triệu đồng; các Khu dân cư đều được chỉnh trang làm thay đổi lớn bộ mặt nông thôn, đến cuối năm 2019 có 428 Khu dân cư đạt chuẩn (chiếm tỉ lệ 26,1%).

Tuy nhiên, các xã đã đạt chuẩn mới ở mức chạm chuẩn, các xã chưa đạt chuẩn đều là những xã khó khăn; một số nội dung còn hạn chế, như thu nhập, mức sống người dân, môi trường, phát triển sản xuất theo chuỗi...; kết cấu hạ tầng để đảm bảo đáp ứng nhu cầu sản xuất hiện đại còn hạn chế; cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động nông thôn chuyển dịch còn chậm, tốc độ tăng trưởng nông nghiệp chưa ổn định, thiếu bền vững; phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp ở nông thôn chưa tạo được sự đột phá....

Thực hiện Thông báo 92/TB-VPCP của Văn phòng Chính phủ về kết luận của Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc tại buổi làm việc với tỉnh Hà Tĩnh; số 319/TB-VPCP của Văn phòng Chính phủ về kết luận của Phó Thủ tướng Chính phủ - Trưởng Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG Trung ương; Thông báo số 681/Tb-BNN-VP ngày 22/01/2020 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về ý kiến kết luận của Bộ trưởng Nguyễn Xuân Cường, trong đó Hà Tĩnh được chọn là tỉnh điểm xây dựng Đề án tỉnh đạt chuẩn nông thôn mới; Hà Tĩnh xác định đây không chỉ cơ hội tốt, đáp ứng đúng yêu cầu nguyện vọng của người dân, là động lực quan trọng để tạo ra bước đột phá mới trong xây dựng nông thôn mới của tỉnh, mà còn gắn trách nhiệm cao, là tỉnh điểm đầu tiên để Trung ương rút kinh nghiệm để chỉ đạo trên diện rộng. Do vậy, việc xây dựng “Đề án tỉnh Hà Tĩnh đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2021-2025” là nhiệm vụ hết sức quan trọng và rất cần thiết.

**2. Các căn cứ xây dựng Đề án:**

# - Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 – 2020.

# - Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016 – 2020.

# - Quyết định số 558/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Tiêu chí huyện nông thôn mới và Quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới.

# - Thông tư 35/2016/TT-BNNPTNT ngày 26/12/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hướng dẫn thực hiện tiêu chí huyện đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2016-2020.

- Thông báo số 319/TB-VPCP ngày 9/9/2019 về kết luận của Phó Thủ tướng Chính phủ Vương Đình Huệ tại Hội nghị Tổng kết Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới vùng Đồng bằng Sông Hồng và Bắc Trung Bộ giai đoạn 2010-2020.

- Thông báo số 681/Tb-BNN-VP ngày 22/01/2020 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về ý kiến kết luận của Bộ trưởng Nguyễn Xuân Cường tại buổi làm việc với tỉnh Hà Tĩnh.

- Thông báo 92/TB-VPCP ngày 12/3/2020 của Văn phòng Chính phủ về kết luận của Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc tại buổi làm việc với tỉnh Hà Tĩnh.

# - Quyết định 05/2017/QĐ-UBND ngày 7/2/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh về việc ban hành Bộ tiêu chí xã đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2017-2020 thực hiện trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

# - Quyết định 28/2019/QĐ-UBND ngày 22/5/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh về việc sửa đổi Bộ tiêu chí xã đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2017-2020 thực hiện trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

# - Quyết định 29/2019/QĐ-UBND ngày 22/5/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh về việc ban hành Bộ tiêu chí xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao thực hiện trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh, giai đoạn 2019-2020

- Quyết định 30/2019/QĐ-UBND ngày 22/5/2019 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về tiêu chí xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu.

**PHẦN I: THỰC TRẠNG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI TỈNH HÀ TĨNH TỪ KHI BƯỚC VÀO CHƯƠNG TRÌNH (NĂM 2010) ĐẾN NAY**

**I. Khái quát điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội**

Hà Tĩnh có diện tích 5.990km2, trong đó diện tích rừng và đất lâm nghiệp  
chiếm 60%; dân số 1.288.886 người; có 164,488 km đường biên giới giáp với hai  
tỉnh Bolykhămxay và Khăm Muộn (Lào); bờ biển dài 137km; Quốc lộ 8A đi qua  
Cửa khẩu quốc tế Cầu Treo, Quốc lộ 12C nối cảng Vũng Áng với Cửa khẩu quốc  
tế Cha Lo tỉnh Quảng Bình qua Lào; đường Hồ Chí Minh, Quốc lộ 1A, đường sắt  
Bắc - Nam chạy dọc tỉnh; có 2 khu kinh tế được Chính phủ ưu tiên đầu tư.  
- Tỉnh có 13 đơn vị hành chính cấp huyện, gồm: 10 huyện, 01 thành phố, 02  
thị xã; có 5 huyện miền núi; 216 xã, phường, thị trấn, trong đó có 182 xã, 34 phường, thị trấn; có 1982 thôn, tổ dân phố, trong đó có 1696 thôn, 286 tổ dân phố

Trong 10 năm qua, kinh tế - xã hội Hà Tĩnh có bước phát triển khá toàn diện, giai đoạn 2011-2015: Tăng trưởng GRDP bình quân đạt trên 17% (chỉ tiêu Đại hội trên 14%, cả nước 5,91%). GRDP bình quân đầu người năm 2015 đạt 42,5 triệu đồng, gấp 3,16 lần so với năm 2010. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tăng nhanh tỷ trọng công nghiệp2. Tổng thu ngân sách trên địa bàn đạt 38.096 tỷ đồng, tăng gấp 6,64 lần so với giai đoạn 2005-2010. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội đạt 290.583 tỷ đồng, gấp 8,56 lần giai đoạn 2005-2010.

Giai đoạn 2016-2020, tăng trưởng kinh tế bình quân đạt 6,75%[[1]](#footnote-1), chất lượng từng bước được nâng lên. Quy mô nền kinh tế tăng gấp 1,6 lần so với năm 2015[[2]](#footnote-2); GRDP bình quân đầu người đạt trên 70 triệu đồng. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng, tỷ trọng nông nghiệp còn 12,2%, công nghiệp - xây dựng 45,5%, dịch vụ 42,3%. Cơ cấu lao động chuyển dịch tích cực[[3]](#footnote-3); năng suất lao động bình quân tăng 11,1%/năm.

**II. Thực trạng xây dựng tỉnh đạt chuẩn nông thôn mới**

**1. Về yêu cầu: Có 100% số huyện đạt chuẩn nông thôn mới; 100% thành phố, thị xã có tất cả xã đạt chuẩn nông thôn mới.**

**1.1 Về chỉ tiêu 100% số xã đạt chuẩn nông thôn mới:**

Thực hiện Bộ Tiêu chí xã đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2010-2020, đến nay toàn tỉnh có 155/182 xã đạt chuẩn nông thôn mới (chiếm 85% tổng số xã); các xã đã đạt chuẩn có sự thay đổi rõ nét về hạ tầng kinh tế xã hội, nhất là hệ thống đường giao thông nông thôn, cơ sở vật chất văn hóa; đời sống vật chất và tinh thần của người dân, môi trường, cảnh quan, từng bước được cải thiện....nhiều xã sau khi đạt chuẩn đã có sự tập trung để duy trì, nâng cấp, nâng chuẩn tiêu chí, phấn đấu đạt chuẩn xã NTM nâng cao, xã NTM kiểu mẫu. Tuy vậy, vẫn còn một số tồn tại, hạn chế: Các xã đã đạt chuẩn mới ở mức chạm chuẩn; thu nhập tuy được cải thiện nhưng vẫn còn thấp so với các tỉnh khác trong khu vực; công tác giảm nghèo thiếu bền vững, nguy cơ tái nghèo cao; kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội chưa đáp ứng yêu cầu sản xuất hiện đại; môi trường nông thôn còn hạn chế, nhất là việc cung ứng nước sạch, xử lý chất thải, nước thải;....

Các xã chưa đạt chuẩn (28 xã) thuộc các huyện: Hương Khê: 11 xã; Kỳ Anh: 7 xã; Hương Sơn: 5 xã; TX Kỳ Anh: 2 xã; Cẩm Xuyên: 2 xã; Thạch Hà: 1 xã. Các tiêu chí chưa đạt chủ yếu là: Giao thông, Trường học, Cơ sở vật chất văn hóa, Môi trường và an toàn thực phẩm và Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu; trong đó khó khăn nhất là các xã: Kỳ Lợi, thị xã Kỳ Anh, Hương Lâm, Hương Liên, Điền Mỹ, Hà Linh, huyện Hương Khê; dự kiến lộ trình đạt chuẩn các xã như sau:

- Năm 2020, phấn đấu đạt chuẩn 18 xã, gồm: Sơn Tiến, Sơn Lễ, Sơn Hồng, Sơn Lâm, Sơn Trà, huyện Hương Sơn; Thạch Lạc, huyện Thạch Hà; Cẩm Nhượng, Cẩm Thịnh, huyện Cẩm Xuyên; Kỳ Nam, TX Kỳ Anh; Lộc Yên, Hương Xuân, Hương Giang, Hương Bình, huyện Hương Khê; Lâm Hợp, Kỳ Thượng, Kỳ Khang; Kỳ Văn; Kỳ Phong, huyện Kỳ Anh.

- Năm 2021, phấn đấu đạt chuẩn 5 xã, gồm: Kỳ Lạc, Kỳ Tây, huyện Kỳ Anh; Hương Thủy, Hòa Hải, Phúc Đồng, huyện Hương Khê

- Năm 2022, phấn đấu đạt chuẩn 5 xã, gồm: Kỳ Lợi, thị xã Kỳ Anh; Hương Lâm, Hương Liên, Điền Mỹ, Hà Linh, huyện Hương Khê.

\* Giai đoạn 2021-2025, theo dự thảo sửa đổi Bộ Tiêu chí của Trung ương thì cơ bản các nội dung, tiêu chí như Bộ tiêu chí giai đoạn 2016-2020, chỉ có một số nội dung, tiêu chí khó thực hiện, như: Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn đến năm 2025 (triệu đồng/người) ≥65; tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025: ≤2%; tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo: ≥50%; xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực đảm bảo bền vững; có sản phẩm OCOP đạt chuẩn 3 sao trở lên; tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch thường xuyên, an toàn từ hệ thống cấp nước tập trung ≥70%. Soát xét nhanh đến nay:

- Về thu nhập bình quân đầu người: Năm 2018 mới đạt 30,5 triệu đồng/người/năm; đối với các xã đã đạt chuẩn nông thôn mới mức thu nhập bình quân tối đa ước đạt 35 triệu đồng/người/năm. Như vậy để đạt được mức từ 65 triệu đồng/người/năm trở lên vào năm 2025 là một thách thức lớn đối các xã và cả tỉnh, nhất là tại các xã khó khăn của vùng bãi ngang Thạch Hà, Lộc Hà, Cẩm Xuyên hay một số xã ở vùng miền núi khó khăn của Hương Khê, Vũ Quang, Đức Thọ;...

- Về tỷ lệ hộ nghèo đa chiều: đến nay toàn tỉnh còn 4,53% hộ nghèo, mục tiêu đến 2025 đạt dưới 2% là khả thi, tuy nhiên hiện nay vẫn còn một số xã như Hoài Hải, Hương Lâm, Hà Linh, Hương Liên, huyện Hương Khê tỷ lệ hộ nghèo còn cao từ 6,5% -11%, giai đoạn mới sẽ áp dụng theo chuẩn nghèo mới sẽ càng khó khăn.

- Về yêu cầu xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực đảm bảo bền vững; có sản phẩm OCOP đạt chuẩn 3 sao trở lên: Đến nay toàn tỉnh mới có 36/182 xã đạt yêu cầu (chiếm 20%), còn 146 xã chưa đạt (chiếm 80%).

- Về yêu cầu tối thiểu 70% hộ dân được sử dụng nước sạch thường xuyên từ hệ thống cấp nước tập trung: Đến nay tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch toàn tỉnh đạt 52,8%, tuy nhiên chỉ mới có 73/182 xã được sử dụng nước sạch từ công trình cấp nước sạch tập trung (chiếm 40% tổng số xã).

**1.2 Về chỉ tiêu 100% số huyện đạt chuẩn nông thôn mới, thành phố, thị xã hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới**

Nhiều huyện trên địa bàn tỉnh đã có sự tập trung cao trong lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện Chương trình nông thôn mới, với cách làm quyết liệt, sáng tạo, đạt kết quả khá tích cực. Đến nay, toàn tỉnh có 4 huyện đạt chuẩn nông thôn mới, thành phố, thị xã hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới, gồm: các huyện Nghi Xuân, Can Lộc, thành phố Hà Tĩnh, thị xã Hồng Lĩnh; 7/13 đơn vị cấp huyện phấn đấu đạt chuẩn, hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới trong năm 2020, trong đó 4 huyện Vũ Quang, Đức Thọ, Lộc Hà, Thạch Hà có 100% số xã đạt chuẩn nông thôn mới. Kết quả cụ thể như sau:

**(1) 3 huyện: Đức Thọ, Lộc Hà và Thạch Hà:** Đã có Tờ trình đề nghị UBND tỉnh thẩm tra, xét công nhận huyện đạt chuẩn nông thôn mới năm 2020, đến nay các sở ngành đang tổ chức thẩm tra các tiêu chí.

**(2) Huyện Vũ Quang**: Đã có 100% số xã đạt chuẩn; có 5/9 tiêu chí cấp huyện đạt chuẩn, gồm: Thủy lợi, điện, Sản xuất, An ninh trật tự, Chỉ đạo nông thôn mới; còn 4/9 tiêu chí chưa đạt, gồm: Quy hoạch, Giao thông, Y tế - Văn hóa - Giáo dục, Môi trường. Khối lượng cần phải thực hiện để đạt chuẩn các tiêu chí cụ thể như sau:

- Tiêu chí Quy hoạch: Quy hoạch vùng huyện đã báo cáo xin ý kiến góp ý Thường vụ huyện ủy, các phòng ban và các xã lần 2, đang hoàn chỉnh để trình UBND tỉnh.

- Giao thông: Có 6 tuyến với tổng chiều dài là 51,3 km; Trong đó 5,37 km đạt chuẩn; 14,98 km đang thi công; 15,65 km đã có quyết định phê duyệt dự án; chưa được bố trí ngồn vốn; còn 15,3 km và 01 cầu Áng ngò chưa có chủ trương đầu tư.

- Tiêu chí Y tế - Văn hóa - Giáo dục:

+ Y tế: Thực hiện sát nhập Trung tâm Y tế dự phòng - Trung tâm dân số và bệnh viện đã khoa tuyến huyện thành Trung tâm Y tế huyện. Đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng BVĐK huyện hiện có để đáp ứng được hoạt động cho lĩnh vực dự phòng. Sửa chữa, nâng dãy nhà 2 tầng khoa truyền nhiễm và dãy nhà 2 tầng nhà kỹ thuật.

+ Văn hóa: Xây dựng nhà thi đấu đa năng, lắp đặt thiết bị vui chơi giải trí thể thao ngoài trời. Tu sữa lại nhà làm việc 2 tầng, các phòng chức năng, khuôn viên trung tâm VH-TT huyện.

+ Giáo dục: Đầu tư xây dựng một dãy nhà gồm các phòng thực hành bộ môn (Lý, hóa, Sinh, Tin học, Công nghệ, Ngoại ngữ), phòng thư viện; nhà tập đa năng và nhà nội trú cho đội ngũ giáo viên, nhân viên và mua sắm trang thiết bị Trường THPT Cù Huy Cận.

- Môi trường: Xây dựng khu xử lý rác thải huyện (gồm xây dựng bãi xử lý rác tại xã Đức Hương và đường vào bãi xử lý rác tại xã Đức Bồng).

**(3) Huyện Cẩm Xuyên:**

\* Chỉ tiêu 100% số xã đạt chuẩn: Đã có 19/21 xã đạt chuẩn nông thôn mới, còn 2/21 xã chưa đạt chuẩn, gồm: Cẩm Thịnh và Cẩm Nhượng; dự kiến đến 30/6/2020 đạt chuẩn.

\* 9 tiêu chí cấp huyện: Đạt chuẩn: 4/9 tiêu chí, gồm: Thủy lợi, Điện, Sản xuất và Chỉ đạo xây dựng nông thôn mới; còn chưa đạt: 5/9 tiêu chí, gồm: Quy hoạch; Giao thông; Y tế-Văn hóa-Giáo dục; Môi trường; An ninh trật tự. Khối lượng cần phải thực hiện để đạt chuẩn các tiêu chí cụ thể như sau:

- Tiêu chí Quy hoạch: Quy hoạch vùng huyện đang trình UBND tỉnh phê duyệt Đề cương nhiệm vụ.

- Tiêu chí giao thông: Có 6 tuyến đường huyện với tổng chiều dài là 70,43km, trong đó đạt chuẩn là 25,46km (đạt 36,15%) còn lại 44,97km chưa đạt chuẩn, với tổng nhu cầu nguồn vốn 201,898 tỷ đồng, trong đó nguồn đã xác định 105,898 tỷ đồng, còn 96 tỷ đồng chưa xác định.

- Tiêu chí Y tế - Văn hóa - Giáo dục:

+ Về y tế: Đã đạt, nội dung cần bổ sung: Làm hàng rào, cổng Trung tâm y tế dự phòng;

+ Về Trung tâm văn hóa truyền thông huyện đạt chuẩn: Chưa đạt,

Cần thực hiện: Nâng cấp Hội trường và cổng Trung tâm Văn hóa Truyền thông; Nâng cấp nhà thi đấu đa năng; Đầu tư xe tuyên truyền lưu động. Nâng cấp sân vận động huyện.

+ Về trường học: Đã đạt, các nội dung cần bổ sung để giữ vững đạt chuẩn: Xây mới 4 phòng học bộ môn trường THPT Cẩm Xuyên; Xây mới 6 phòng học bộ môn, 6 phòng học thay thế phòng củ xuống cấp tại trường THPT Hà Huy Tập.

- Tiêu chí Môi trường: chưa đạt, các nội dung cần thực hiện: Đầu tư xây dựng hệ thống mương nước thải tại Cụm công nghiệp Bắc Cẩm Xuyên.

- Tiêu chí An ninh trật tự xã hội: Do tình hình liên quan đến an ninh trật tự vẫn còn tiềm ẩn nhiều yếu tố phức tạp như: tranh chấp đất đai, khiếu kiện vượt cấp,... còn 8 xã trọng điểm về an ninh trật tự.

**(4) Huyện Hương Sơn:**

\* Chỉ tiêu 100% số xã đạt chuẩn: Đã có 18/23 xã đạt chuẩn nông thôn mới, còn 5/21 xã chưa đạt chuẩn, gồm: Sơn Hồng, Sơn Lâm, Sơn Lễ, Sơn Trà và Sơn Tiến.

\* 9 tiêu chí cấp huyện: Có đạt chuẩn: 4/9 tiêu chí, gồm: Thủy lợi, Điện, Sản xuất, Chỉ đạo xây dựng nông thôn mới; còn chưa đạt: 5/9 tiêu chí, gồm: Quy hoạch, Giao thông, Văn hóa - Giáo dục - Y tế, Môi trường, An ninh trật tự xã hội. Khối lượng cần phải thực hiện để đạt chuẩn các tiêu chí cụ thể như sau:

- Tiêu chí Quy hoạch: Quy hoạch vùng huyện đã được UBND tỉnh phê duyệt Đề cương nhiệm vụ, hiện nay đang lựa chọn nhà thầu.

- Tiêu chí Giao thông:

Theo định hướng đề xuất điều chỉnh quy hoạch hệ thống GTVT huyện sau khi điều chỉnh có 7 tuyến với tổng chiều dài 94,55 km, trong đó đạt chuẩn 36,62 km, thực hiện các nội dung đảm bảo đạt chuẩn theo quy hoạch, duy tu nâng cấp các tuyến đường hằng năm; cứng hóa mặt đường, mở rộng nền đường đạt chuẩn 57,93km.

- Tiêu chí Y tế - Văn hóa – Giáo dục:

+ Y tế: Bệnh viện đa khoa huyện Hương Sơn được xếp hạng 2, Trung tâm Y tế dự phòng được xếp hạng 2; có kế hoạch xây mới khối nhà khám bệnh, nhà kỹ thuật (nhà mổ), khối nhà cấp cứu, đưa vào danh mục đầu tư giai đoạn (2021-2025)

+ Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện chưa đạt, thiếu nhà nhà thi đấu, bể bơi, các phòng chức năng. Khu trung tâm Văn hóa - thể thao huyện đã được UBND tỉnh phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch chi tiết.Trước mắt, đầu tư xây dựng nhà văn hóa trung tâm hội nghị huyện 500 chỗ ngồi tại khu vực trường Nguyễn Tuấn Thiện cũ. Cải tạo khu vực Trung tâm Văn hóa - Truyền thông huyện hiện nay thành khu Trung tâm thi đấu thể thao của huyện.

+ Trường học có 3/4 trường PTTH đạt chuẩn quốc gia, đạt 75% (yêu cầu 60%).

- Tiêu chí Môi trường:hiện nay chưa có nhà máy xử lý rác. Hiện nay có 01 lò đốt rác tại thị Trấn Phố Châu, công suất 8-10 tấn/ngày đêm. Trên địa bàn có 300 cơ sở sản xuất, chế biến, dịch vụ thuộc đối tượng lập hồ sơ môi trường, đã có 270 cơ sở có hồ sơ, thủ tục môi trường; còn lại 30 cơ sở sản xuất kinh doanh chưa có hồ sơ, thủ tục môi trường;

Dự kiến xây dựng 01 lò đốt rác thải tại xã Sơn Ninh hoặc xã Sơn Tây (công suất 15 – 20 tấn/ngày). Nhân rộng mô hình phân loại và xử lý rác thải tại nguồn trên địa bàn toàn huyện; Xây dựng các điểm thu gom, lưu trữ bao gói thuốc BVTV sau sử dụng: 3.000 triệu đồng.

- Tiêu chí An ninh trật tự xã hội: Còn 9 xã, thị trấn trọng điểm về an ninh trật tự: Sơn Kim I, Sơn Kim II, Sơn Trung, Sơn Hồng, TT Tây Sơn, TT Phố Châu, Sơn Tây, Sơn Châu, Sơn Tiến.

**(5) Thị xã Kỳ Anh**: Đã có 3/5 xã đạt chuẩn nông thôn mới; còn 2/5 xã chưa đạt chuẩn, gồm: Kỳ Nam phấn đấu đạt chuẩn trong năm 2020, Kỳ Lợi là xã năm trong quy hoạch chung Khu kinh tế Vũng Áng.

**(6) Huyện Kỳ Anh:**

\* Chỉ tiêu 100% số xã đạt chuẩn: Có 13/20 xã đạt chuẩn nông thôn mới, còn lại 7/20 xã chưa đạt chuẩn, gồm: Kỳ Khang, Kỳ Văn, Kỳ Thượng, Kỳ Lạc, Kỳ Tây, Lâm Hợp và Kỳ Phong.

\* 9 tiêu chí cấp huyện: Có đạt chuẩn: 4/9 tiêu chí, gồm: Thủy lợi, Điện, Môi trường, Chỉ đạo xây dựng nông thôn mới; còn chưa đạt: 5/9 tiêu chí, gồm: Quy hoạch, Giao thông, Văn hóa - Giáo dục - Y tế, Sản Xuất, An ninh trật tự xã hội. Khối lượng cần phải thực hiện để đạt chuẩn các tiêu chí cụ thể như sau:

- Tiêu chí Quy hoạch: Cần phải xây dựng Quy hoạch vùng huyện.

- Tiêu chí Giao thông: Toàn huyện có 77,2 km đường huyện, trong đó đạt chuẩn 38,1/77,2 km (49%), còn 39,1 km chưa đảm bảo (trong đó có 8,6km theo quy hoạch chưa thông tuyến).

- Tiêu chí Văn hóa - Giáo dục - Y tế: Xây mới Nhà văn hóa đa chức năng gắn với trú sở làm việc; (phòng họp, phòng truyền thống, triển lãm, các phòng bộ môn năng khiếu, thư viện, phòng đọc, kho sách; nhà luyện tập và thi đấu các môn thể thao); sân thể thao đơn giản: bóng chuyền, tennis, sân khấu, khu dịch vụ, vui chơi giải trí ngoài trời... Công trình sân vận động, bể bơi.

- Tiêu chí Sản Xuất: Tiếp tục rà soát, điều chỉnh, bổ sung các vùng sản xuất tập trung; ưu tiên nguồn lực đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu tại vùng sản xuất tập trung gồm: Giao thông, điện, cấp thoát nước... theo quy hoạch, thực hiện có hiệu quả Đề án tại cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững gắn với xây dựng nông thôn mới

- Tiêu chí: An ninh trật tự xã hội: Vẫn còn khiếu kiện đông người kéo dài ở xã Kỳ Tây, Kỳ Thượng.

**(7) Huyện Hương Khê:**

\* Chỉ tiêu 100% số xã đạt chuẩn: Đã có 9/20 xã đạt chuẩn nông thôn mới, còn 11/20 xã chưa đạt chuẩn, gồm: Hương Lâm, Hương Liên, Phúc Đồng, Hương Xuân, Lộc Yên, Hòa Hải, Hương Bình, Hà Linh, Hương Giang, Hương Thủy, Điền Mỹ.

\* 9 tiêu chí cấp huyện: Có đạt chuẩn: 2/9 tiêu chí, gồm: An ninh trật tự, Chỉ đạo xây dựng nông thôn mới; còn chưa đạt: 7/9 tiêu chí, gồm: Quy hoạch, Giao thông, Thủy lợi, Điện, Văn hóa - Giáo dục - Y tế, Sản xuất, Môi trường. Khối lượng cần phải thực hiện để đạt chuẩn các tiêu chí cụ thể như sau:

- Tiêu chí Quy hoạch: Xây dựng Quy hoạch vùng huyện.

- Tiêu chí Giao thông: Gồm 14 tuyến với tổng chiều dài 145,46 km, trong đó đã đạt chuẩn 15,64 km; cần phải làm mới, nâng cấp, sửa chữa 12 tuyến đường huyện với chiều dài 129,82km với tổng kinh phí 1.089 tỷ đồng. Duy tu, bảo dưỡng, bảo trì các tuyến đường hư hỏng, xuống cấp hàng năm. Xây dựng bến xe khách của huyện đạt chuẩn theo quy định.

- Tiêu chí Thủy lợi: Cần phải cứng hóa 10,8 km kênh mương nội đồng, với tổng kinh phí 23 tỷ đồng. Xây dựng cống, tuyến kênh dẫn nước Khe Táy (dài 04km) tưới nước cho các thôn Trung Sơn, Trường Sơn (xã Lộc Yên); xây dựng tuyến kênh dẫn nước đập khe Táy (dài 1,5km) nối tiếp đi Hương Thủy tưới nước cho các thôn 12, 13 (xã Hương Giang); xây dựng tuyến kênh dẫn nước từ kênh Nam sông Tiêm đến vùng kẹp đường sắt và đường Hồ Chí Minh (dài 5km) tưới nước xã Hương Xuân, Phú Phong.

- Tiêu chí Điện: Xây dựng Trạm trung gian dã chiến tại xã Hương Trạch 35/10kv; duy tu, bảo trì, bảo dưỡng các trạm biến áp để đảm bảo đạt chuẩn tiêu chí bền vững, với tổng kinh phí 10,2 tỷ đồng.

- Tiêu chí Y tế - Văn hóa - Giáo dục:

+ Về Y tế: Đầu tư nâng cấp, sửa chữa cơ sở vật chất, mua sắm máy móc, trang thiết bị hiện đại tại Bệnh viện Đa khoa huyện, Trung tâm Y tế dự phòng huyện; đào tạo, thu hút nguồn nhân lực có trình độ, chuyên môn cao đáp ứng yêu cầu khám, chữa bệnh. Đổi mới toàn diện phong cách phục vụ, nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh, phát triển các dịch vụ kỹ thuật chuyên sâu; duy trì Bệnh viện Đa khoa huyện đạt hạng 2, Trung tâm Y tế dự phòng huyện đạt hạng 2. Tổng kinh phí 6 tỷ đồng.

+ Về Văn hóa: Cải tạo, nâng cấp Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện, gồm các hạng mục: Hội trường, nhà làm viêc, các phòng chức năng, mua sắm bổ sung trang thiết bị, dụng cụ thể thao, xây dựng các sân thể thao đơn giản, lắp đặt thiết bị, cung cấp các dịch vụ vui chơi giải trí. Quy hoạch, đầu tư xây dựng các công trình: Sân Vận động và các công trình phụ trợ (diện tích 20.000m2 ), Bể bơi (diện tích 1.000m2). Tổng kinh phí 28 tỷ đồng.

+ Về Giáo dục: Đến nay có 4/4 trường THPT đạt chuẩn nhưng cần phải nâng cấp cơ sở vật chất, thiết bị dạy học đạt chuẩn bền vững (Trường THPT Hương Khê: Tu sửa cơ sở vật chất, mua sắm bổ sung trang thiết bị, đồ dùng dạy học; trường THPT Phúc Trạch: Xây dựng nhà đa chức năng, tu sửa nhà học A, nâng cấp hệ thống thoát nước); nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên, chất lượng giáo dục toàn diện. Tổng kinh phí 15,9 tỷ đồng.

- Tiêu chí Sản xuất:

+ Tiếp tục rà soát điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi phù hợp với lợi thế, nhu cầu thị trường và thích ứng với biến đổi khí hậu. Quy hoạch, xây dựng các vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung, quy mô lớn gắn với bảo quản, chế biến và tiêu thụ theo chuỗi giá trị; đồng thời, khuyến khích phát triển nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ. Đáng giá, rà soát, xác định lại sản phẩm chủ lực của huyện để tập trung đẩy mạnh phát triển sản xuất.

+ Gắn sản xuất với phát triển công nghiệp bảo quản, chế biển nông sản và hình thành các làng nghề, ngành nghề nông thôn vừa thúc đẩy sản xuất, vừa tiêu thụ kịp thời nông sản cho nông dân và đa dạng hóa sản phẩm cho tiêu dùng; khuyến khích doanh nghiệp đầu tư phát triển công nghiệp chế biến sâu, chế biến tinh và ứng dụng công nghệ cao; giảm tiêu thụ sản phẩm dạng thô.

+ Thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp gắn với các sản phẩm chủ lực, đặc trưng, lợi thế; phát triển các sản phẩm có chất lượng gắn với Chương trình OCOP, tăng khả năng cạnh tranh.

Tổng kinh phí 5,2 tỷ đồng.

- Tiêu chí Môi trường: Xây dựng Nhà máy nước phục vụ nhân dân thị trấn và 8 xã vùng phụ cận; xây dựng khu xử lý chất thải rắn của huyện tại xã Hương Thủy; chỉ đạo 80 cơ sở sản xuất chế biến dịch vụ chưa đạt chuẩn lập hồ sơ bảo vệ môi trường theo quy định; triển khai hiệu quả đề án thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải trên địa bàn huyện giai đoạn 2018-2020. Tổng kinh phí 29,3 tỷ đồng.

Các huyện chưa đạt chuẩn còn một số khó khăn hạn chế: Khối lượng cần thực hiện ở các huyện chưa đạt chuẩn còn nhiều (nhất là các địa phương miền núi khó khăn trong thực hiện tiêu chí giao thông), trong khi nguồn thu ngân sách trên địa bàn hạn chế; huy động doanh nghiệp vào lĩnh vực này còn khó khăn, phát huy nội lực từ nhân dân đã thực hiện khá tốt nhưng chưa đủ để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

**2. Các tiêu chí cấp tỉnh**

**2.1 Quy hoạch**

**a) Yêu cầu tiêu chí**

- Có Quy hoạch tỉnh phù hợp với định hướng, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của cả nước giai đoạn 2021-2030 được phê duyệt và được công bố công khai đúng quy định

- Thực hiện và quản lý quy hoạch theo đúng quy định

**b) Thực trạng**

Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế-xã hội tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2045 và 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1786/QĐ-TTg ngày 27/11/2012. Sau khi Quy hoạch được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, tỉnh Hà Tĩnh đã tổ chức công bố, công khai và chỉ đạo các sở, ngành xây dựng chương trình, kế hoạch triển khai thực hiện quy hoạch theo định hướng phát triển được thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Tính đến nay, sau hơn 8 năm thực hiện quy hoạch, kinh tế - xã hội tỉnh Hà Tĩnh đã đạt được nhiều kết quả tích cực và toàn diện trên các lĩnh vực. Tuy nhiên, trong quá trình triển khai thực hiện quy hoạch, tình hình kinh tế trong nước có nhiều biến động, tác động và làm ảnh hưởng đến định hướng và nội dung quy hoạch được phê duyệt.

Ngoài ra, theo Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 24/11/2017 thì Hà Tĩnh phải tiến hành lập Quy hoạch tỉnh cho giai đoạn 2021-2030 và tầm nhìn từ 20 đến 30 năm, nhằm xác định hướng phát triển dài hạn, phù hợp với các điều kiện mới, đáp ứng yêu cầu phát triển chung của vùng và cả nước, làm căn cứ cho việc xây dựng kế hoạch 5 năm và hàng năm.

**2.2. Giao thông**

**a) Yêu cầu tiêu chí**:

- Đường tỉnh đảm bảo kết nối tới các đơn vị cấp huyện trong tỉnh và kết nối vùng thuận lợi

- Tỷ lệ km đường tỉnh đạt chuẩn theo quy hoạch; có đầy đủ hệ thống cống thoát nước, điện chiếu sáng qua khu dân cư; được trồng cây bóng mát dọc bên đường

**b) Thực trạng**

Hiện nay trên địa bàn tỉnh gồm 09 tuyến đường tỉnh với chiều dài 294,07 km (không bao gồm ĐT.547 do trùng phần lớn với đường ven biển và QL.281). Trong đó có khoảng 71,8 km (tỷ lệ 24%) quy mô nền mặt đường đạt từ cấp IV đồng bằng trở lên (nền 9m, mặt 6-8m), khoảng 89,0 km (tỷ lệ 30%) quy mô nền mặt đường đạt cấp IV miền núi (nền 7,5m, mặt 5,5-6,5m); khoảng 49,5km chưa thông tuyến (đoạn ĐT.553 và ĐT.554, chiếm 17%), còn lại đạt cấp V, cấp VI (nền 6,5m-7,5m, mặt 3,5m-6m), cụ thể:

(1) Đường tỉnh 546: Dài 17,3km, từ Gia Lách (Nghi Xuân) đến Xuân Hội (Nghi Xuân), quy hoạch đường cấp IV đồng bằng (nền 9m, mặt 8m). Hiện nay quy mô cơ bản đạt theo quy hoạch, cụ thể đoạn Km0+00 - Km5+400 dài 5,4 km có Bnền = 9m, Bmặt = 6m (mặt đường láng nhựa đã xuống cấp một số đoạn cục bộ; trong đó đoạn Km0+200 - Km5+400 đã có dự án sắp triển khai); đoạn Km5+400 - Km8+300 dài 2,9 km có Bnền = 12m, Bmặt =11m và đoạn Km10+700 - Km19+700 dài 9,0 km có Bnền = 9m, Bmặt = 8m, chất lượng mặt đường trung bình.

(2) Đường tỉnh 548: Dài 19,4km, từ xã Bình Lộc, huyện Lộc Hà đến Đồng Lộc, huyện Can Lộc (nối QL.15B), quy hoạch đường cấp IV đồng bằng (nền 9m, mặt 8m), đoạn qua đô thị theo quy hoạch đô thị. Hiện nay, đoạn Km0+00 - Km11+00 dài 11 km có Bnền = 7,5-11m, Bmặt = 6-8,5m đã được láng nhựa (đang được nâng cấp trong dự án LRAMP với tổng mức 65 tỷ đồng); đoạn Km11+00 - Km11+970 dài 0,97 km trùng với QL.1; đoạn Km11+970 - Km20+370 dài 8,4 km có Bnền = 9m, Bmặt = 6m, mặt đường thảm nhựa, đã xuống cấp (sẽ được nâng cấp theo dự án LRAMP năm 2020).

(3) Đường tỉnh 549: Dài 8,85 km, từ TP Hà Tĩnh đến xã Thạch Kim, huyện Lộc Hà, quy hoạch đường đô thị, nền 35m, mặt 15m. Hiện nay đoạn Km0+00 - Km2+800 dài 2,8 km đã được láng nhựa có Bnền = 20m, Bmặt = 14m, mặt đường hư hỏng cục bộ một số vị trí, lồi lõm, thiếu êm thuận; đoạn Km2+800 – Km6+750 dài 3,95 km có Bnền = 15m, Bmặt = 14m; đoạn Km6+750 – Km9+650 dài 2,9 km trùng QL.281 và đoạn Km9+650 - Km11+003 dài 1,38 km có Bnền = 12m, Bmặt = 11m đã được thảm nhựa, chất lượng còn tốt; đoạn còn lại dài 0,72 km mặt đường bê tông rộng 3,5m, nền đường 5-6,5m; trên tuyến có cầu Hộ Độ dài khoảng 240m, rộng 8m, thi công từ năm 1996, tải trọng H13-X60, không đảm bảo năng lực lưu thông.

(4) Đường tỉnh 550: Dài 15,2km, từ xã Thạch Hải, huyện Thạch Hà đến xã Ngọc Sơn, huyện Thạch Hà, quy hoạch đường cấp III đồng bằng, nền 12m, mặt 11m, riêng đoạn Thạch Hải - TP Hà Tĩnh quy hoạch đường đô thị nền 35m, mặt 15m. Hiện nay đoạn từ Km0+00 - Km5+700 (cầu Thạch Đồng) dài 5,7 km đã được láng nhựa Bnền = 6,5m, Bmặt = 5,5m; đoạn Km5+700 - Km18+100 dài 12,4 km trùng với đường Ngô Quyền, QL.1 và đường Vũ Quang; đoạn Km18+100 - Km27+600 (đường tránh đến Khe Giao) dài 9,5km đã được thảm nhựa, Bnền = 12m, Bmặt = 11m, chất lượng mặt đường tốt.

(5) Đường tỉnh 551: Dài 44,4Km, từ Bãi biển thôn Phú Hải, xã Kỳ Phú, huyện Kỳ Anh đến xã Kỳ Hợp, huyện Kỳ Anh, quy hoạch đường cấp IV đồng bằng, nền 9m, mặt 8m. Hiện nay mới đạt đường cấp V, cấp VI với nền 6,5m-7,5m: đoạn Km0+00 - Km12+00 (giao với QL.1) dài 12,0 km có Bnền = 7,5m, Bmặt = 6,5m, mặt đường mới được thảm nhựa năm 2019; đoạn Km12+00 - Km12+400, dài 0,40 km đi trùng với QL.1; đoạn từ Km12+400 - Km16+100 dài 3,7 km có Bnền = 7,5m, Bmặt = 5,5m mặt đường láng nhựa; đoạn Km16+100 - Km20+200 dài 4,1 km có mặt đường BTXM Bnền =7,5m, Bmặt = 5,5m; đoạn Km20+200 - Km34+dài 14,3 km mặt đường láng nhựa có Bnền =7,5m, Bmặt = 5,5m; đoạn Km34+500 - Km44+800 mặt đường láng nhựa dài 10,3 km Bnền =6,5m, Bmặt = 3,5m. Chất lượng mặt đường trên toàn tuyền còn khá tốt.

(6) Đường tỉnh 552: Dài 15,0 km từ xã Tùng Ảnh, huyện Đức Thọ (giao QL.8) đến thị trấn Vũ Quang, huyện Vũ Quang, quy hoạch đường cấp IV đồng bằng, nền 9m, mặt 8m. Hiện nay đoạn Km0+00 – Km3+800 dài 3,8 km đang được triển khai thi công nâng cấp mặt đường từ láng nhựa sang thảm nhựa với Bnền = 9m, Bmặt = 8m; đoạn Km3+800 – Km7+800 dài 4,0 km mặt đường láng nhựa với Bnền = 9m, Bmặt = 8m, chất lượng mặt đường trung bình; đoạn Km7+800 – Km13+500 dài 5,7 km trùng QL.281; đoạn Km13+500 (Chợ Bộng) – Km19+600 (TT Vũ Quang) dài 6,1 km có Bnền = 7,5m, Bmặt = 5,5m mặt láng nhựa đã hư hỏng, xuống cấp (đang chuẩn bị được đầu tư nâng cấp trong Dự án “Khắc phục khẩn cấp hậu quả thiên tai tại một số tỉnh miền Trung”, vốn WB với nền 7,5m, mặt 6,5m, tổng mức 26 tỷ đồng); đoạn Km19+600 – Km20+700 mới được chỉnh trang theo đường nội thị.

(7) Đường tỉnh 553: Dài 59,67 km từ đường tránh TP Hà Tĩnh đến Bản Giằng, huyện Hương Khê, quy hoạch đường cấp III ĐB, nền 12, mặt 11m (đoạn đầu đến giao QL8C) và đường cấp III miền núi, nền 9, mặt 7m với đoạn còn lại. Đến nay đoạn Km0+00 - Km4+590 dài 4,59km có nền đường 12m, mặt đường 11m đã được thảm nhựa, chất lượng tốt; đoạn từ Km4+590 - Km7+00 dài 2,41km trùng QL.8C; đoạn Km7+00 - Km28+500 (Thạch Điền - Trại Nại, Lộc Yên) dài 21,5 km chưa thông tuyến; đoạn Km28+500 - Km32+500 (Trại Nại - cầu Lộc Yên) dài 4 km hiện trạng chủ yếu là đường đất, đường láng nhựa bị xói lở, hư hỏng nặng; đoạn Km32+500 - Km37+300 (cầu Lộc Yên - đường HCM) dài 4,8 km hiện trạng là đường láng nhựa đã bị hư hỏng nặng, chiều rộng nền 5,5m, mặt đường 3,5m; đoạn Km37+300 - Km62+080 (đường HCM - Bản Giàng) dài 24,78 km hiện trạng là mặt đường láng nhựa có chiều rộng nhỏ, bị hư hỏng, ổ gà (trong đó đoạn từ Km37+300 - Km50+450 dài 13,15 km chuẩn bị đầu tư đạt quy mô đường cấp IV miền núi nền 7,5m, mặt 6,5m).

(8) Đường tỉnh 554: Dài 91,3 km từ xã Tùng Ảnh, huyện Đức Thọ đến xã Kỳ Lạc, huyện Kỳ Anh, quy hoạch đường cấp III miền núi, nền 9, mặt 8m. Hiện nay đoạn Km0+00 - Km2+200 có Bnền = 6,5m, Bmặt = 3,5m đã được thảm nhựa (hiện nay đã có dự án nâng cấp mở rộng); đoạn từ Km2+200 - Km 11+400 có Bnền = 9m, Bmặt = 7m được thảm nhựa; đoạn từ Km11+400 - Km33+800 dài 22,40km mặt đường BTXM Bnền = 6,5m, Bmặt = 5,5m; đoạn Km33+800 - Km63+100 dài 28,92 km trùng QL.15 và QL.8C; đoạn Km63+100 - Km91+100 chưa thông tuyến; đoạn Km91+100 - Km103+100 dài 12km, Bnền = 6,5m, Bmặt = 5,5m đã được láng nhựa; đoạn Km103+100 - Km113+100 dài 10km, Bnền = 7,5m, Bmặt =5,5m đã được láng nhựa; đoạn Km113+100 - Km116+100 dài 3,0 km đang triển khai đầu tư nâng cấp từ mặt đường cấp phối 3,5m, nền đường 6,5m lên đường cấp IV miền núi (nền 7,5m, mặt 5,5m); đoạn Km116+100 – Km121+100 (từ ngã tư giao với đường tỉnh 555 đến hết địa phận Hà Tĩnh đã được đầu tư trong dự án tuyến tránh Đèo Con).

(9) Đường tỉnh 555: Dài 22,95 km từ xã Kỳ Hải đến xã Kỳ Lạc, huyện Kỳ Anh, quy hoạch đường cấp III miền núi, nền 9m, mặt 6m. Hiện nay đoạn từ Km0+00 - Km8+300 dài 8,3km có Bnền = 9m, Bmặt = 6m đã được thảm nhựa; đoạn Km8+300 - Km10+200 dài 1,9km tuyến trùng QL.1; đoạn Km10+200 - Km16+800 dài 6,6 km có Bnền = 9m, Bmặt = 7m đã được thảm nhựa; đoạn Km16+800 - Km24+850 dài 8,05km có Bnền =7,5m, Bmặt = 6,5m mặt đường BTXM mới được mở rộng mặt trong dự án tuyến tránh Đèo Con. Quy mô mặt đường cơ bản đạt cấp theo quy hoạch, chất lượng mặt đường trung bình.

**2.3. Thủy lợi**

**a) Yêu cầu tiêu chí**

- Hệ thống thủy lợi do tỉnh quản lý đồng bộ với hệ thống thủy lợi của các đơn vị cấp huyện theo quy hoạch, đảm bảo an toàn, mỹ quan, gắn với phát triển du lịch (ở nơi có điều kiện phù hợp)

- Tỷ lệ tưới chủ động đảm bảo cho cây trồng tối thiểu 80%, riêng cây trồng cạn, cây ăn quả đạt tối thiểu 60%; có hệ thống tưới, tiêu đảm bảo an toàn cho sản xuất và đời sống.

**b) Thực trạng**

**\* Về hệ thống thủy lợi:** Tính đến nay, toàn tỉnh Hà Tĩnh đã đầu tư, xây dựng được 351 hồ chứa nước với tổng dung tích trên 1,5 tỷ m3 nước; có 90 đập dâng với lưu lượng thiết kế hơn 4252,9m3/s, 455 trạm bơm, 12 cống ngăn mặn giữ ngọt lớn và 6.333 km kênh mương các loại. Hàng năm các công trình cấp nước phục vụ tưới cho trên 99.300 ha diện tích đất sản xuất nông nghiệp, sinh hoạt và nhiều ngành kinh tế khác, cắt giảm lũ hạ du và cải tạo môi trường sinh thái.

*- Về tưới:*

Hệ thống các công trình thủy lợi ở Hà Tĩnh phần lớn được xây dựng cách đây 30÷40 năm và được đầu tư bằng nhiều nguồn lực khác nhau: Có công trình do Nhà nước đầu tư, có công trình do các tổ chức quốc tế tài trợ và đa số các công trình nhỏ đều được đầu tư bằng hình thức Nhà nước và Nhân dân cùng làm nên hiện nay qua nhiều năm khai thác, do tác động của biến đổi khí hậu ảnh hưởng các loại hình thiên tai, đến nay phần lớn các công trình đã xuống cấp (ngoại trừ các công trình được nâng cấp sửa chữa những năm gần đây). Nhiều công trình được thiết kế theo tần suất cũ nên khả năng đảm bảo an toàn và nguồn nước cho sản xuất chưa đạt yêu cầu so với tình hình hiện nay vì vậy các công trình thủy nông hiện tại chỉ mới đáp ứng cơ bản về tưới cho cây lúa vùng đồng bằng và vùng núi thấp và cấp nước sinh hoạt cho nhân dân vùng đồng bằng, đô thị, vùng trung du, chưa đáp ứng được nhu cầu tưới cho vùng đất trồng cây công nghiệp, cây ăn quả ngắn ngày, dài ngày, vùng đất ven biển.

*- Về tiêu:*

Hệ thống tiêu úng trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh hiện nay chủ yếu là qua các sông, suối, tự nhiên là chính; ngoài ra có một số kênh đào đi qua nhiều vùng khác nhau. Hiện nay các trục tiêu lớn hằng năm do ảnh hưởng của mưa, lũ nên bị sạt lở, bồi lắng, phần lớn các trục tiêu gần như đều bị bồi lắng, sạt lở không có khả năng tiêu úng. Do quá trình phát triển, đô thị hóa xây dựng các công trình cơ sở hạ tầng và các công trình phụ trợ khác đã lấn chiếm hành lang thoát lũ của các trục tiêu, ảnh hưởng đến khả năng tiêu thoát, điển hình ở đây là việc quy hoạch và xây dựng mới các đoạn đường tránh qua thành phố, thị xã, thị trấn, các đoạn đường này phần lớn được khởi công xây dựng năm 2005 và đưa vào sử dụng năm 2009, tuy nhiên trong quá trình mở rộng, nâng cao đường, các cống tiêu thoát nước qua đường có khẩu độ quá hẹp.

Đối với các trục tiêu nhỏ, các trục tiêu nội thị, nội thành do công tác xây dựng và quy hoạch chưa đồng bộ, đồng thời chưa được nâng cấp, cải tạo vì vậy chỉ đáp ứng được phần nào yêu cầu tiêu úng khi có những trận mưa nhỏ, nhưng đối với những trận mưa lớn thì hiện tượng ngập úng cục bộ thường xuyên xảy ra.

Đối với các trục tiêu nội đồng hiện nay hầu như chưa được đầu tư đúng mức, nhân dân một số địa phương đã chuyển đổi ruộng đất, chuyển đổi cơ cấu cây trồng quy hoạch các khu sản xuất tập trung (trang trại, gia trại...) các trục tiêu nội đồng nằm trong trang trại thì san bằng, đắp bờ bao trồng cây khoanh định các vùng tập trung sản xuất, chăn nuôi riêng biệt nên ảnh hưởng lớn đến khả năng tiêu úng vốn đã có trước đây, nhiều nơi còn chưa có phương án xây dựng các trục tiêu nội đồng nên hiện tượng ngập úng cục bộ nội đồng xảy ra thường xuyên.

Ở tỉnh ta những năm gần đây, do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu làm dòng chảy năm giảm, dòng chảy kiệt suy giảm; tổng lượng mưa năm tuy ít biến đổi nhưng cường độ mưa ngày có xu hướng tăng cao khiến cho các đỉnh lũ xuất hiện cao hơn nhiều so với mức bình quân nhiều năm, cường độ và tần suất mưa, lũ lớn hơn. Bên cạnh đó rừng đầu nguồn không được bảo vệ nên khả năng điều tiết lũ của rừng khi có mưa lớn bị giảm đi rõ rệt, khả năng tập trung nước nhanh hơn, trong khi các công trình tiêu thoát lũ nội đồng và hạ du không được đầu tư, mở rộng đáp ứng yêu cầu, đây là một trong những nguyên nhân chủ yếu gây nên lũ sâu và kéo dài nhiều ngày trong những năm vừa qua.

*- Về an toàn công trình thủy lợi:*

Qua nhiều năm đưa vào khai thác, sử dụng, do ảnh hưởng của mưa, lũ hiện nay nhiều hồ chứa trên địa bàn Hà Tĩnh bị hư hỏng, xuống cấp (ngoại trừ một số hồ đập được được sửa chữa, nâng cấp những năm gần đây đảm bảo an toàn). Hầu hết các hồ chứa nhỏ đều có cao trình thấp, mặt cắt nhỏ; cống lấy nước bị hư hỏng, cống không có hành lang kiểm tra; tràn xả lũ nhỏ không đảm bảo thoát lũ.

Biến đổi khí hậu ngày càng cực đoan, bất thường trong đó có hiện tượng mưa lũ vượt ra ngoài các quy luật thông thường, đồng thời hiện tượng thời tiết nắng nóng với nền nhiệt độ cao, kéo dài làm hạ thấp mực nước ngầm cũng là một trong số các nguyên nhân gây nên mất an toàn hồ chứa. Trong khi đó số lượng công trình thủy lợi bị xuống cấp không đảm bảo an toàn đang còn nhiều, kinh phí đầu tư cho sửa chữa, nâng cấp các hồ chứa hạn chế, nguồn vốn phân bổ cho các dự án đã đầu tư xây dựng thiếu.

Hiện nay qua kết quả kiểm tra, rà soát, trên địa bàn tỉnh có 69 công trình thủy lợi mất an toàn, có nguy cơ cao xảy ra sự cố trong mùa mưa lũ chưa có kinh phí để nâng cấp, sửa chữa.

*- Về hệ thống đê điều, công tác phòng chống thiên tai:*

+ Hà Tĩnh có 32 tuyến đê, với chiều dài 317,6 km (trong đó đê La Giang là đê cấp II dài 19,2km, còn lại 31 tuyến đê cấp IV, cấp V với chiều dài 298,4km. Từ năm 2006 đến nay bằng nhiều chương trình, Dự án Hà Tĩnh đã nâng cấp được 231 km đê các loại; 132 cống và trồng 204 ha cây chắn sóng tại các tuyến đê ven biển.

+ Công trình tránh trú bão: Hiện trên địa bàn tỉnh xây dựng hoàn thành 4 khu tránh trú bão Cửa Hội, Cửa Sót, Cửa Nhượng, Cửa Khẩu phục vụ cho tàu thuyền vào tránh trú bão.

+ Cơ sở hạ tầng cảnh báo thiên tai: Trên địa bàn tỉnh hiện có 12 trạm đo khí tượng, thuỷ văn; 28 trạm đo mưa tự động, 40 trạm đo mưa nhân dân tại các vùng sâu, vùng thiếu thông tin để chủ động phòng tránh và 213 cột mốc báo lũ.

Bên cạnh các công trình dân sinh đã đầu tư xây dựng được hơn 750 ngôi nhà tránh lũ cho các hộ gia đình ở vùng Hương Khê, Hương Sơn, Đức Thọ, Vũ Quang, Nghi Xuân Kỳ Anh; ngoài ra người dân các địa phương vùng lũ đã chủ động phối hợp cùng với chính quyền địa phương làm tốt công tác “4 tại chỗ”, mỗi gia đình đều tự trang bị thuyền bè, nhà nổi, thùng phao để chủ động ứng phó với mưa, lũ.

*- Về tưới tiết kiệm cho cây trồng cạn*

Trên địa bàn tỉnh hiện có hơn 13.000 ha cây trồng cạn (Cam 7.091 ha, bưởi 3.330 ha, chè búp 1.203 ha, chè lá 1.765 ha, rau, đậu, lạc, ...), trong đó có khoảng 5.500 ha cây trồng cạn chủ lực tập trung (cam, bưởi ≥0,5ha, chè ≥ 01ha).

Trong những năm qua, tỉnh đã có các chính sách hỗ trợ một phần kinh phí xây dựng hệ thống tưới tiên tiến, tiết kiệm nước cho người dân, đồng thời các hộ dân cũng nhận thấy được hiệu quả của việc lắp đặt hệ thống tưới tiết kiệm và đã bỏ chi phí tự lắp đặt thêm. Đến nay trên địa bàn tỉnh đã lắp đặt hệ thống tưới cho diện tích 901 ha/5.500 ha cây trồng cạn chủ lực tập trung, đạt tỷ lệ 16,4 %.

Mặc dù có các chính sách hỗ trợ, vận động người dân đầu tư kinh phí lắp đặt hệ thống tưới tiên tiến, tiết kiệm nước để nâng cao hiệu quả sản xuất, tăng năng suất cây trồng; tuy nhiên, do chi phí đầu tư ban đầu lớn, trong khi đời sống người dân còn nhiều khó khăn; do đó, hiện nay tỷ lệ cây trồng cạn tập trung được lắp đặt hệ thống tưới tiên tiến, tiết kiệm nước còn khá thấp.

*- Kiên cố hóa kênh mương nội đồng:*

Thực hiện chính sách hỗ trợ xi măng kiên cố hóa kênh mương nội đồng, trong giai đoạn 2010-2020, trên địa bàn tỉnh đã thực hiện kiên cố hóa được 918km kênh mương. Ngoài ra từ các chương trình, dự án đã kiên cố hóa được 810km kênh mương giúp các địa phương hoàn thiện hệ thống thủy lợi nội đồng, nâng tổng chiều dài kênh mương trên địa bàn tỉnh đã kiên cố hóa lên 3.478 km/5.390 km, đạt tỷ lệ 64,5%.

Các công ty thủy nông được giao quản lý 943km kênh mương các loại, đến nay đã kiên cố hóa được 736km, đạt tỷ lệ 78%. Tính chung cho trên toàn tỉnh hiện nay đã kiên cố hóa được 4.214km/6.333km, đạt tỷ lệ 66,5%.

*- Tổ chức quản lý, khai thác công trình thủy lợi:*

Hiện trên địa bàn tỉnh có 02 loại mô hình tổ chức quản lý, gồm: (i) Doanh nghiệp nhà nước: Công ty TNHH MTV Thủy lợi Bắc và Công ty TNHH MTV Thủy lợi Nam Hà Tĩnh;(ii) Tổ chức quản lý thủy nông cơ sở gồm: HTX, TDN, Hội sử dụng nước.

+ Đối với các Doanh nghiệp thủy nông: Nhìn chung hoạt động của các Công ty TNHH MTV thủy lợi trong thời gian qua có nhiều chuyển biến tích cực, cấp nước đủ cho số diện tích trong khu tưới các công trình thuỷ lợi theo kế hoạch hàng năm. Công tác quản lý bảo vệ, vận hành, nâng cấp, sửa chữa công trình từng bước được tăng cường, đảm bảo an toàn các công trình thuỷ lợi, nâng cao hiệu quả phục vụ sản xuất. Việc kiểm tra, đánh giá rà soát các hạng mục hư hỏng được thực hiện phương án sửa chữa công trình hàng năm đều thực hiện nghiêm túc, ngoài nguồn kinh phí cấp bù thủy lợi phí doanh nghiệp còn huy động công nhân trong đơn vị hàng tháng tổ chức nạo vét các tuyến kênh mương, sửa chữa thường xuyên các hạng mục công trình.

+ Đối với các tổ chức quản lý thủy lợi cơ sở: Nhìn chung nguồn nhân lực các tổ chức quản lý, khai thác công trình thủy lợi còn nhiều hạn chế về số lượng và chất lượng; phần lớn số lượng cán bộ ở các tổ chức thủy lợi cơ sở này chưa qua đào tạo, do vậy công tác quản lý, vận hành còn nhiều khó khăn, một số đơn vị thực hiện công tác quản lý, vận hành còn chưa tuân thủ theo đúng quy trình, quy phạm. Các công trình có quy mô nhỏ, việc lưu trữ hồ sơ công trình, hồ sơ duy tu bảo dưỡng còn sơ sài, gây khó khăn cho công tác quản lý nâng cấp, sửa chữa về sau. Nhiều tổ chức thủy lợi cơ sở không đủ kinh phí để duy tu, sữa chữa thường xuyên, những hư hỏng không được phát hiện và sửa chữa kịp thời dẫn đến công trình xuống cấp, giảm hiệu quả tưới, tuổi thọ công trình. Tình trạng lấn chiếm hành lang an toàn các công trình thủy lợi đặc biệt là các hồ chứa xảy ra khá phổ biến.

*- Tình hình vi phạm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi*

+ Tình hình vi phạm pháp luật về đê điều, thủy lợi:

Về đê điều: Tổng số vụ vi phạm pháp luật về đê điều là 759 vụ, trong đó phân theo loại hình vi phạm: Xây dựng nhà ở kiên cố, nhà tạm, ki ốt có 400 vụ; xây dựng các mô hình trang trại, đào ao nuôi trồng thủy sản 109 vụ; trồng cây lâu năm, dựng lều quán, đổ chất thải, rác thải; tập kết vật liệu có 250 vụ. Phân theo nhóm nguyên nhân diễn ra vi phạm: (i) vi phạm do lịch sử để lại 605 vụ; (ii) vi phạm xẩy ra phổ biến 147 vụ; (iii) vi phạm có tính chất phức tạp, kéo dài có 7 vụ.

Về thủy lợi: Tổng số vụ vi phạm là 1.173 vụ, trong đó phân theo loại hình vi phạm: Xây dựng nhà ở kiên cố, nhà tạm, ki ốt có 90 vụ; xây dựng các mô hình trang trại, đào ao nuôi trồng thủy sản 151 vụ; trồng cây lâu năm, dựng lều quán, đổ chất thải, rác thải; tập kết vật liệu có 932 vụ. Phân theo nhóm nguyên nhân diễn ra vi phạm: (i) vi phạm do lịch sử để lại 436 vụ; (ii) vi phạm phổ biến 713 vụ; (iii) vi phạm có tính chất phức tạp, kéo dài có 24 vụ.

Các hình thức đã xử lý: Thời gian qua để tổ chức ngăn chặn, xử lý vi phạm pháp luật về lĩnh vực thủy lợi, đê điều, phòng chống thiên tai có hiệu quả; Chính phủ đã ban hành Nghị định 104/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi, đê điều; UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 49/2018/QĐ-UBND ngày 06/12/2018 về Quy chế phối hợp giữa các ngành, các cấp trong công tác phòng ngừa, xử lý vi phạm pháp luật về thủy lợi, đê điều, phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã tổ chức thanh tra, kiểm tra và ban hành nhiều văn bản chỉ đạo xử lý các vi phạm. Tuy nhiên, theo báo cáo của các địa phương, đơn vị các vi phạm pháp luật về thủy lợi, đê điều gần như chưa được xử lý triệt để, mới chỉ dừng ở mức lập biên bản vi phạm, chưa áp dụng các chế tài xử phạt vi phạm hành chính theo quy định Nghị định 104/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ và quy chế phối hợp đã được UBND tỉnh ban hành tại Quyết định số 49/2018/QĐ-UBND ngày 06/12/2018.

+ Bảo vệ chất lượng nước trong công trình thủy lợi: Thời gian qua, mặc dù được UBND tỉnh và các ngành có nhiều văn bản chỉ đạo tăng cường công tác quản lý, bảo vệ chất lượng nước trong công thủy lợi, đê điều trên địa bàn tỉnh của các tổ chức, cá nhân và các địa phương được giao quản lý, khai thác. Tuy nhiên tình hình vi phạm pháp luật về lĩnh vực thủy lợi, đê điều vẫn diễn ra nhiều nơi như: Tập kết rác ở nhiều công trình thủy lợi, đê điều, tình trạng rác thải vứt bừa bãi, nước thải chưa qua xử lý hoặc xử lý chưa đạt theo quy chuẩn xã vào công trình thủy lợi làm ô nhiểm môi trường nước, chất lượng nước, gây ảnh hưởng đến công tác tưới, tiêu thủy lợi và các mục đích khác.

**2.4. Điện**

**a) Yêu cầu tiêu chí:**

Hệ thống điện liên huyện đồng bộ với hệ thống điện các đơn vị cấp huyện theo quy hoạch, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của cả hệ thống, đường dây điện được ngầm hóa hoặc bố trí đảm bảo mỹ quan: Đạt

**b) Thực trạng**

- Nguồn 110kV: Toàn tỉnh đến nay có 09 TBA biến áp 110kV với tổng công suất đặt các máy biến áp là 431 MVA. Đường dây 110kV khu vực Hà Tĩnh có tổng chiều dài 219.43km, gồm 02 xuất tuyến từ Trạm 220kV Hưng Đông và 04 xuất tuyến từ trạm Trạm 500 kV Hà Tĩnh. Kết cấu các tuyến đường dây 110kV chủ yếu là các đường dây mạch đơn, sử dụng cột Bê tông ly tâm,dây dẫn chủ yếu sử dụng loại AC150, AC185, có một số ít là dây dẫn loại AC240. Theo kế hoạch Ngành điện, TBA 110 Hồng Lĩnhđã hoàn thành các thủ tục, khởi công xây dựng năm 2020; TBA 110 kV thành phố Hà Tĩnh đã được phê duyệt chủ trương đầu tư.

- Hệ thống lưới điện phân phối gồm: Lưới điện Cao áp 110kV; Lưới điện Trung áp 35kV, 22kV, 10kV và lưới điện Hạ áp 0.4kV. Trong đó:

Khối lượng hệ thống điện trung, hạ áp trên địa bàn bao gồm: 2.967,64km đường dây trung áp, 6.846,19km đường dây hạ áp, 3.249 trạm biến áp phân phối với tổng công suất 771.893kVA, hệ thống điện thuộc về khách hàng sử dụng điện với 441.570 khách hàng (400.959 khách hàng sinh hoạt và 40.611 khách hàng ngoài sinh hoạt).

Trạm biến áp phân phối tại các xã chủ yếu sử dụng trạm treo (khu vực thị trấn, trung tâm sử dụng trạm trụ, vẫn còn một số trạm xây tương lai sẽ cải tạo thành trạm treo). Đường dây trung áp bao gồm cấp điện áp 10kV, 35kV, 22kV; sử dụng dây nhôm AC tiết diện dây dây dẫn 50, 75, 95,…mm2; cột bên tông ly tâm chiều cao 12m, 14m, 16m, 18m; Đường dây hạ áp cấp điện áp 0,4kV và 0,2kV; Dây dẫn chủ yếu sử dụng cáp vặn xoắn, cáp bọc, và dây nhôm AV tiết diện dây dẫn 50, 70, 95mm2 (đường trục 0,4kV); 35mm2, 50mm2 (nhánh rẽ 0,2kV); điện áp tại điểm đấu nối với khách hàng sử dụng điện cơ bản đảm bảo 5% theo quy định; tần số đảm bảo (500,2)Hz.

- An toàn lưới điện trung áp:giai đoạn 2015 đến nay đã xử lý trên 52 điểm vi phạm hành lang lướiđiện trung áp; nên tại thờiđiểm hiện tại thì hệ thống lướiđiện trung áp đảm bảo theo Nghị định 14/2014/NĐ-CP của Chính phủ về an toàn điện; lưới điện hạ áp đảm bảo an toàn điện theo quy chuẩn kỹ thuật điện.An toàn lướiđiện hạáp được các địa phương phối hợp vớiĐiện lực thực hiện định kỳ, thường xuyên.

- Hệ thống đường dây sau công tơ của khách hàng sử dụng điện: Thực hiện Bộ tiêu chí xã nông thôn mới, hầu hết các xã đã tuyên truyền, hướng dẫn các hộ dân sử dụng dây dẫn tiết diện từ 2,5mm2 trở lên; cột đỡ sau công tơ cao trên 4m, bán kính đường trục trên 80mm. Tuy nhiên, hệ thốngđiện sau công tơ của khách hàng chưa được triển khai triệt để; nhất làở các xã miền núi, vùng sâu, vùng xa.

- Tỷ lệ hộ sử dụng điện an toàn, thường xuyên từ lưới điện quốc gia đạt 100%.

Hệ thống điện trung, hạ áp cơ bản đáp ứng yêu cầu kỹ thuật trong vận hành với hệ thống điện phân phối theo quy định tại Thông tư số 39/TT-BCT ngày 18/11/2015 của Bộ Công Thương quy định về hệ thống lưới điện phân phối (về tần số, điện áp, cân bằng pha, sóng hài điện áp, nhấp nháy điện áp, công suất, truyền tải, hệ thống bảo vệ).

**Tuy nhiên còn một số tồn tại cần khắc phục**

- Ngành điện chưa thu xếp, cân đối được nguồn vốn để triển khai các dự án nguồn và lưới điện 110kV theo các giai đoạn, phù hợp nội dung quy hoạch phát triển điện lực đã được phê duyệt.

- Do chịu tác động của thiên tai, bão lụt hoặc do nhu cầu phát triển kinh tế-xã hội như khu dân cư mới, khu chăn nuôi, sản xuất tập trung, nhà máy sản xuất… dẫn hệ thống điện xuống cấp, không đáp úng nhu cầu sử dụng điện, do vậy cần phải thường xuyên nâng cấp, cải tạo, đầu tư xây mới.

- Trong quá trình xây dựng NTM có nhiều yếu tố ảnh hưởng đến việc đánh giá tiêu chí điện như: cột điện nằm giữa lòng, lề đường do mở rộng đường giao thông nông thôn; phát sinh các điểm vi phạm hành lang lưới điện trung áp, các tuyến đường dây hạ áp; các khu dân cư tập trung mới chưa được cấp điện kịp thời… Mặt khác, do ảnh hưởng của thời tiết, nhu cầu sử dụng điện của người dân tăng cao vào mùa nắng nóng dẫn đến lưới điện quá tải cục bộ.

**2.5. Thông tin và truyền thông**

**a) Yêu cầu tiêu chí:**

Có hạ tầng mạng cáp quang đến thôn; có mạng truyền số liệu chuyên dùng cấp II; có cơ sở hạ tầng, trang thiết bị kết nối mạng chuyên dùng phục vụ hội nghị trực tuyến liên thông 3 cấp (tỉnh, huyện, xã): Đạt

**b) Thực trạng:**

**-** Đối với hạ tầng cấp quang đến thôn: Trên địa bàn toàn tỉnh có 4920 Km cáp quang ở các tuyến truyền dẫn chính được kéo đến 100% đơn vị cấp xã. Với địa bàn cấp thôn, thì hiện tại có có 26 thôn chưa có hạ tầng cáp quang đến thôn, chủ yếu ở khu vực miền núi, địa hình phức tạp, khó triển khai hạ tầng, dân cư ít.

- Đối với mạng truyền số liệu chuyên dùng: Ngoài hệ thống mạng truyền số liệu chuyên dùng cấp I trên địa bàn và một số cơ quan thuộc ban Đảng do Cục Bưu điện trung ương - Bộ Thông tin và Truyền thông thiết lập thì hiện tại trên địa bàn tỉnh chưa sử dụng Mạng truyền số liệu chuyên dùng đảm bảo theo quy định kết nối đề ra để gửi nhận văn bản, chỉ đạo điều hành trong cơ quan nhà nước. Vì vậy, hiện nay các cơ quan nhà nước chưa thể kết nối vào mạng TSLCD như theo quy định tại Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ đề ra (năm 2020, 100% cơ quan nhà nước từ trung ương tới cấp huyện kết nối vào Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước), chưa Đảm bảo hạ tầng kỹ thuật theo yêu cầu tại Quyết định số 28/2018/QĐ-TTg ngày 12/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ.

- Đối với cơ sở hạ tầng, trang thiết bị phục vụ hội nghị trực tuyến: Hiện tại, trên địa bàn tỉnh hội nghị tuyền hình đã kết nối từ tỉnh đến 13 điểm cầu ở cấp huyện, tuy nhiên, vẫn chưa kết nối vào mạng truyền số liệu chuyên dùng để đảm bảo an toàn thông tin theo quy định; đối với cấp huyện đến cấp xã có 02 điểm cầu cấp huyện (Nghi Xuân và thị xã Kỳ Anh) kết nối xuống 28 điểm cầu cấp xã (28 đơn vị).

**2.6 Giáo dục - Y tế - Văn hóa:**

**a) Yêu cầu tiêu chí**

- Hệ thống trường mầm nôn và phổ thông toàn tỉnh có tối thiểu 80% đạt chuẩn Quốc gia; Trung tâm Giáo dục Thường xuyên cấp tỉnh hoạt động có hiệu quả - Sở Giáo dục và Đào tạo đề xuất (dự thảo của Trung ương: Mô hình giáo dục Stem tiêu biểu, hoạt động hiệu quả).

- Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh đạt chuẩn quốc gia: Đạt

- Trung tâm Văn hóa - Thể thao tỉnh đạt chuẩn, có các hoạt động văn hóa - thể thao phù hợp kết nối với các đơn vị cấp huyện có hiệu quả: Đạt.

**(1) Giáo dục:**

**a) Thực trạng:**

Tính đến cuối năm 2019, toàn tỉnh có 554/703 trường học đạt chuẩn quốc gia, tỉ lệ 78,8%. Trong đó: Mầm non 189/266 trường đạt chuẩn, tỉ lệ 71% (trong đó đạt Mức độ 2: 27 trường, tỉ lệ 10.1%); Tiểu học 207/241 trường đạt chuẩn, tỉ lệ 85.9% (trong đó đạt Mức độ 2: 126 trường, tỉ lệ 52.2%); THCS 126/150 trường đạt chuẩn, tỉ lệ 84%; THPT 33/46 trường đạt chuẩn, tỉ lệ 71.7%.

- Trung tâm Giáo dục Thường xuyên cấp tỉnh hoạt động có hiệu quả.

**(2) Y tế:**

**a) Thực trạng:**

Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Hà Tĩnh thành lập theo Quyết định số 2845/QĐ-UBND ngày 25/9/2018 của UBND tỉnh Hà Tĩnh và chính thức hoạt động từ ngày 1/11/2018 từ việc hợp nhất 6 trung tâm chuyên khoa tuyến tỉnh. Hiện Trung tâm có 4 phòng và 11 khoa với 143 cán bộ, công nhân, viên chức, 27 cán bộ hợp đồng làm việc tại cở sở Methadone và 5 hợp đồng tại trung tâm. Sau khi đi vào hoạt động, Trung tâm được tạm thời xếp hạng I theo quy định tại Thông tư số 23/2005/TT-BYT ngày 25/8/2005 (Trung ương chưa có hướng dẫn cụ thể về việc đánh giá tiêu chí Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh đạt chuẩn quốc gia).

Về cơ sở vật chất: Trung tâm được đầu tư xây mới và đưa vào sử dụng từ năm 2017. Nhiều trang thiết bị phục vụ chuyên môn được đầu tư như như máy Retime PCR, máy quang phổ hấp thụ nguyên tử, máy xét nghiệm sinh hóa, máy đo thân nhiệt từ xa, máy đo hơi khí độc, đo ô nhiễm không khí… từng bước đáp ứng yêu cầu về chất lượng chuyên môn - kỹ thuật. Hiện nay, Trung tâm có đủ năng lực chẩn đoán, xác định nhanh, chính xác nhiều bệnh, dịch nguy hiểm như cúm A, sốt xuất huyết và các bệnh mới nổi như: H7N9, MERS CoV, Ebola, Zika… (hiện đang xây dựng kế hoạch để xét nghiệm Covid-19). …..

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh (trước đây là Trung tâm YTDP tỉnh) đã thực hiện tốt công tác chuyên môn trong phòng chống dịch, chỉ đạo các đơn vị kịp thời phát hiện, cách ly, dập tắt dịch khi mới xuất hiện nên trong những năm qua trên địa bàn không có dịch bệnh lớn nào xẩy ra, những ổ dịch nhỏ xuất hiện rải rác tại một số địa phương như sốt xuất huyết, tay chân miệng, sởi… được phát hiện và dập tắt kịp thời, không để lây lan diện rộng, không có tử vong. Hiện tại, dịch Covid-19 đang diễn biến rất phức tạp trên thế giới và cả nước. Trung tâm đã tham mưu kịp thời các giải pháp trong việc giám sát dịch, tính đến ngày 10/3/2020, trên địa bàn vẫn chưa phát hiện ca dịch nào.

**(3) Văn hóa:**

**a) Yêu cầu tiêu chí:** Trung tâm Văn hóa - Thể thao tỉnh đạt chuẩn, có các hoạt động văn hóa - thể thao phù hợp kết nối với các đơn vị cấp huyện có hiệu quả.

**b) Thực trạng**

Cơ sở vật chất văn hóa cấp tỉnh hiện nay có ba công trình gồm: Thư viện, Nhà thi đấu và Sân vận động tỉnh đảm bảo tốt cơ sở vật chất, điều kiện phục vụ hoạt động nhiệm vụ chuyên môn.

Các công trình chưa đảm bảo đạt chuản gồm: Trung tâm văn hóa tỉnh, Trung tâm huấn luyện và thi đấu thể thao tỉnh và bể bơi, nhà ở vận động viên có nhiều hạng mục đã xuống cấp và thiếu trang thiết bị chuyên môn.

Các công trình chưa xây dựng gồm: Bảo tàng, Nhà hát nghệ thuật truyền thống, Trung tâm văn hóa Thanh - Thiếu – Nhi. Đây là những công trình trọng điểm về văn hóa rất cần thiết phải có để thực hiện các nhiệm vụ chính trị của tỉnh, lưu giữ, bảo tồn, phát huy giá trị vật thể, phi vật thể và phục vụ nhu cầu về hoạt động văn hóa của người dân trên địa bàn tỉnh.

Về hoạt động của các thiết chế: nhiều hoạt động chuyên môn cơ bản đang duy trì và có kết nối với trung ương và các đơn vị cấp huyện như: Hoạt động thư viện tỉnh kết nối thư viện huyện về các nội dung như: luân chuyển sách, tài liệu; hỗ trợ cấp phát sách, thiết bị; hỗ trợ tổ chức ngày sách, tổ chức giới thiệu tác phẩm mới. Hoạt động tuyên truyền quảng bá: tuyên truyền lưu động (phát thanh, sân khấu hóa, kịch, nghệ thuật…) tuyên truyền trực quan bằng pano, áp phích, biểu ngữ lớn; tập huấn, hội thi, liên hoan, chiếu phim. Hoạt động triển lãm: giới thiệu, trưng bày triển lãm nghệ thuật tranh, hội chợ sinh vật cảnh. Các đội bóng đá tham gia hệ thống các giải chuyên nghiệp, giải trẻ toàn quốc. Đội bóng chuyền Hạng A tham gia giải vô địch quốc gia. Trung tâm Thể thao tỉnh duy trì 10-12 đội tuyển các môn thể thao cấp tỉnh tham gia giải quốc gia. Hệ thống giải tỉnh có kết nối cấp huyện duy trì thường xuyên 07 giải/năm. Ngoài ra có một số các hoạt động kết nối đào tạo, tập huấn, hướng dẫn chuyên môn với cấp huyện và các hoạt động thể thao quần chúng khác.

Tuy nhiên, nhiều nội dung chưa đáp ứng được yêu cầu do thiếu các điều kiện cơ sở vật chất nêu trên. Các nghệ sĩ, nghệ nhân, diễn viên không phát huy hết khả năng xây dựng chương trình nghệ thuật, không đảm bảo việc bồi dưỡng, truyền dạy nghệ thuật cho thế hệ trẻ để bảo tồn phát huy giá trị văn hóa phi vật thể hiện có. Khoảng 10.000 hiện vật, cổ vật là biểu tượng văn hóa lịch sử của tỉnh Hà Tĩnh đang nằm tại kho không có chỗ trưng bày, bảo quản. Thế hệ trẻ thanh niên, thiếu niên và nhi đồng thiếu trung tâm vui chơi ngoại khóa, thiếu trung tâm rèn luyện sức khỏe, trí tuệ, tài năng và kỹ năng sống. Tỷ lệ trẻ em biết bơi thấp, tình trạng đuối nước thương tâm ở trẻ em vẫn diễn ra hằng năm, đây là nội dung quan trọng được Chính phủ chỉ đạo Chương trình hành động phòng chống thương tích, đuối nước cho trẻ em trên cả nước.

Để hoàn thành tiêu chí tỉnh nông thôn mới về văn hóa, trước tiên phải đầu tư cơ sở vật chất điều kiện hoạt động, sau đó tập trung chỉ đạo chuyên sâu nội dung nhiệm vụ chuyên môn, khai thác có hiệu quả các thiết chế, phát huy giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể hiện có. Hiện nay khối lượng để hoàn thành tiêu chí đang khá nhiều chủ yếu tập trung vào cơ sở vật chất văn hóa với các công trình trọng điểm nêu trên. Nếu có được chủ trương đầu tư của tỉnh thì việc hoàn thành tiêu chí cấp tỉnh trong giai đoạn 2021-2025 là khả thi.

**2.7. Sản xuất - kinh doanh**

**a) Yêu cầu tiêu chí:**

- Tất cả các huyện, thị xã, thành phố trong tỉnh có mô hình liên kết sản xuất- kinh doanh theo chuỗi giá trị có ứng dụng công nghệ cao và chế biến sản phẩm an toàn, sạch hoặc mô hình sản xuất nông nghiệp hữu cơ: Đạt

- Tất cả các huyện, thành phố, thị xã có ít nhất 1 cơ sở chế biến quy mô tối thiểu đạt 50% tổng sản lượng của 1 loại sản phẩm chủ lực của địa phương: Đạt.

- Có Trung tâm thương mại chuyên về sản phẩm OCOP cấp tỉnh hoặc có gian hàng OCOP riêng trong các siêu thị lớn: Đạt.

**b) Thực trạng**

*- Về mô hình liên kết sản xuất- kinh doanh theo chuỗi giá trị có ứng dụng công nghệ cao và chế biến sản phẩm an toàn, sạch hoặc mô hình sản xuất nông nghiệp hữu cơ:* Đang chờ Sở Nông nghiệp và PTNT.

*- Về cơ sở chế biến quy mô tối thiểu đạt 50% tổng sản lượng của 1 loại sản phẩm chủ lực của địa phương: Sở Công thương*

*- Về Trung tâm thương mại chuyên về sản phẩm OCOP cấp tỉnh hoặc có gian hàng OCOP riêng trong các siêu thị lớn****:*** *Sở Công thương*

**2.8. Môi trường**

**a) Yêu cầu tiêu chí:**

- Tiêu chí 7.1: Có khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt tập trung quy mô cấp tỉnh nằm trong quy hoạch đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường, xử lý không ít hơn 80% tổng lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ khu vực nông thôn.

- Tiêu chí 7.2: Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt nông thôn trên địa bàn toàn tỉnh được thu gom, xử lý bằng biện pháp phù hợp, trong đó tỷ lệ chôn lấp hợp vệ sinh <30%.

- Tiêu chí 7.3: Tỷ lệ nước thải sinh hoạt nông thôn trên địa bàn toàn tỉnh được thu gom, có biện pháp xử lý phù hợp ≥50%.

- Tiêu chí 7.4: Tỷ lệ khu công nghiệp trên địa bàn toàn tỉnh thực hiện đúng các quy định về bảo vệ môi trường đạt 100%.

- Tỷ lệ người dân sử dụng nước sạch theo QCVN 02: 2009/BYT là 75%, trong đó từ công trình cấp nước tập trung là 50%: Đạt.

**b) Thực trạng**

- Có khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt tập trung quy mô cấp tỉnh nằm trong quy hoạch đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường, xử lý không ít hơn 80% tổng lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ khu vực nông thôn.

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 11 khu xử lý rác thải đang hoạt động với 3 loại hình công nghệ (3 nhà máy, 4 bãi chôn lấp và 4 lò đốt độc lập), cụ thể:

*+ Xử lý bằng nhà máy:* Có 3 nhà máy xử lý rác thải rắn sinh hoạt tập trung, gồm: Nhà máy chế biến phân hữu cơ từ rác thải sinh hoạt tại xã Cẩm Quan, huyện Cẩm Xuyên với công suất xử lý theo thiết kế là 200 tấn/ngày đêm nhưng thực tế chỉ xử lý khoảng 120-150 tấn/ngày đêm; Nhà máy chế biến rác thải sinh hoạt Hoành Sơn tại xã Kỳ Tân, huyện Kỳ Anh với công suất giai đoạn 1 là 240 tấn/ngày tuy nhiên thực tế mới chỉ xử lý khoảng 70-80 tấn/ngày; Nhà máy xử lý rác thải tại thị trấn Nghèn- Can Lộc với công suất 40 tấn/ngày chuẩn bị đi vào hoạt động (khoảng quý II năm 2020). Năm 2019, lượng rác phát sinh khoảng 250.844 tấn/năm (tương đương 687 tấn/ngày), trong đó lượng rác thu gom, vận chuyển, xử lý được khoảng 182.911 tấn (tương đương 501 tấn/ngày), đạt 72,9%; Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt được xử lý tại các nhà máy nêu trên khoảng 190-230 tấn/ngày (đạt 27,7% -33,5% so với tổng lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trong toàn tỉnh).

*+ Xử lý bằng công nghệ chôn lấp:* hiện có 04 bãi chôn lấp hợp vệ sinh đang vận hành với công suất thực tế khoảng 102,35 - 102,85 tấn/ngày, gồm bãi chôn lấp bãi chôn lấp rác Hồng Lộc, huyện Lộc Hà (công suất 54,85 tấn/ngày), bãi chôn lấp tại thị xã Hồng Lĩnh (công suất 36 tấn/ngày), bãi chôn lấp tại thị trấn Vũ Quang, huyện Vũ Quang (công suất 1,5-2 tấn/ngày), bãi chôn lấp tại thị trấn Tây Sơn, huyện Hương Sơn (công suất 10 tấn/ngày).

+ *Xử lý bằng hình thức đốt tại các lò đốt độc lập*: toàn tỉnh hiện có 4 lò đốt đang hoạt động, công suất thực tế khoảng 44,6 - 46,6 tấn/ngày (gồm: lò Phù Việt 9,4 tấn/ngày, lò Phố Châu 8-10 tấn/ngày, lò Cương Gián 11,2 tấn/ngày, lò Xuân Thành 16 tấn/ngày).

Như vậy, tổng lượng chất thải rắn sinh hoạt được xử lý đảm bảo tại các cơ sở xử lý hiện có trên địa bàn tỉnh là từ 336,95 tấn/ngày đến 379,45 tấn/ngày (đạt tỷ lệ 49% đến 55,2% so với tổng lượng rác phát sinh và đạt 67,2 đến 75,7% so với tổng lượng rác thu gom được. So với yêu cầu (xử lý không ít hơn 80% tổng lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ khu vực nông thôn) chưa đáp ứng.

- Đánh giá yêu cầu “Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt nông thôn trên địa bàn toàn tỉnh được thu gom, xử lý bằng biện pháp phù hợp, trong đó tỷ lệ chôn lấp hợp vệ sinh <30%”.

Với công suất thực tế các bãi chôn lấp hợp vệ sinh đang hiện hành trên địa bàn từ 102,35 - 102,85 tấn/ngày so với tổng lượng chất thải phát sinh, xử lý đảm bảo đạt tỷ lệ từ 27,1 - 30,3%, như vậy tỷ lệ này xấp xỉ đạt so với yêu cầu.

- Yêu cầu “Tỷ lệ nước thải sinh hoạt nông thôn trên địa bàn toàn tỉnh được thu gom, có biện pháp xử lý phù hợp ≥50%”.

- Tỷ lệ người dân sử dụng nước sạch theo QCVN 02: 2009/BYT là 75%, trong đó từ công trình cấp nước tập trung là 50%: Đến hết năm 2019, Hà Tĩnh có 612.864/1.152.000 người dân nông thôn được sử dụng nước đạt quy chuẩn quốc gia (QCVN 02:2009/BYT) đạt 53,20%, trong đó từ nguồn cấp nước tập trung chiếm….%.

**2.9. An ninh trật tự**

**a) Yêu cầu tiêu chí**

Đảm bảo an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn toàn tỉnh: Đạt.

**b) Thực trạng tiêu chí**

Tình hình an ninh, trật tự an toàn xã hội đảm bảo trong tình hình có nhiều diễn biến phức tạp; đặc biệt sau sự cố môi trường biển năm 2016, các tổ chức, phần tử phản động gia tăng hoạt động chống phá, kích động gây rối, biểu tình, khiếu kiện trái pháp luật, xảy ra các vụ việc ảnh hưởng lớn đến an ninh trật tự, gây mất ổn định, nhưng được sự quan tâm chỉ đạo kịp thời của Trung ương, cấp ủy, chính quyền các cấp đã thực hiện nhất quán, đồng bộ các giải pháp khắc phục, bình tĩnh xử lý những vấn đề phức tạp. Bố trí Công an chính quy về đảm nhận các chức danh Công an xã, thị trấn; đến nay đã bố trí 597 đồng chí đảm nhiệm các chức danh tại 195/195 xã, thị trấn (đạt 100%), bước đầu phát huy hiệu quả, góp phần đảm bảo ANTT ở cơ sở. Toàn tỉnh hiện có 179/182 xã đạt các nội dung theo quy định tại Tiểu tiêu chí 19.2 “Xã đạt chuẩn an toàn về an ninh, trật tự xã hội và đảm bảo bình yên” (đạt 98%); 12/182 xã đạt tiêu chí ANTT xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao (đạt 7%).

Dự kiến đến ngày 31 tháng 12 năm 2020, 100% xã trên địa bàn toàn tỉnh đạt Tiểu tiêu chí 19.2.

Tuy nhiên, quá trình thực hiện công tác đảm bảo an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh vẫn còn một số tồn tại, hạn chế, đó là:

- Công tác nắm, dự báo tình hình về ANTT ở một số địa bàn chưa sâu sát, kịp thời, việc tham mưu, đề xuất giải quyết các vấn đề phức tạp tại cơ sở có lúc, có nơi còn chậm, chưa triệt để, nhất là tình hình vi phạm về đất đai, xây dựng công trình tôn giáo trái pháp luật.

- Tình hình hoạt động của các loại tội phạm hình sự, ma túy, kinh tế… vẫn còn tiềm ẩn nhiều phức tạp; công tác quản lý Nhà nước trên lĩnh vực tài nguyên, môi trường, khoáng sản vẫn còn nhiều bất cập.

- Công tác phòng ngừa xã hội hiệu quả chưa cao, chưa huy động được sự vào cuộc của các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể trong phòng, chống tội phạm. Phong trào toàn dân bảo vệ ANTQ có lúc, có nơi còn mang tính hình thức; công tác vận động quần chúng, củng cố hệ thống chính trị ở cơ sở một số nơi còn hạn chế.

- Công tác quản lý Nhà nước mặc dù được tăng cường nhưng một số mặt còn hạn chế, khó khăn, nhất là quản lý người nước ngoài, quản lý nhân, hộ khẩu, quản lý ngành, nghề kinh doanh có điều kiện về ANTT...

**2.10 Chỉ đạo, điều phối thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới**

**a) Yêu cầu tiêu chí**

- Ban chỉ đạo thực hiện Chương trình nông thôn mới tỉnh được kiện toàn tổ chức đảm bảo đưa cả hệ thống chính trị vào cuộc và hoạt động hiệu quả: Đạt

- Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh được tổ chức và hoạt động chuyên trách, chuyên nghiệp, hiệu quả: Đạt

b) **Thực trạng**

***+ Ban chỉ đạo thực hiện Chương trình nông thôn mới tỉnh*** được thành lập và kiện toàn theo đúng quy định của Trung ương với đầy đủ các thành phần trong hệ thống chính trị, tổ chức đoàn thể xã hội, ban, ngành đảm bảo yêu cầu lãnh đạo, chỉ đạo được cả hệ thống chính trị và toàn xã hội thực hiện và tham gia thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới.

Trong quá trình chỉ đạo thực hiện, Ban Chỉ đạo xây dựng nông thôn mới tỉnh đã chỉ đạo, quản lý, điều hành, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện các nội dung của Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn toàn tỉnh đảm bảo kịp thời, hiệu quả, đúng quy định.

***+ Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh:*** được UBND tỉnh thành lập và kiện toàn theo đúng quy định tại các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ (số 1996/QĐ-TTg ngày 04/11/2014, số 1920/QĐ-TTg ngày 05/10/2016) và các quy định tại các văn bản khác của Trung ương có nội dung về việc kiện toàn bộ máy tham mưu, giúp việc như: Thông báo số 322/TB-VPCP ngày 12/10/2016 của Văn phòng Chính phủ; Nghị quyết 100/2015/QH13 ngày 12/11/2015, Nghị quyết số 32/2016/QH14 của Quốc hội khóa XIV, kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 23/11/2016; Chỉ thị số 36/CT-TTg ngày 30/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ đảm bảo Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh và các cấp là mang tính chuyên trách, chuyên nghiệp, đảm bảo vị thế, có đủ số lượng cán bộ có năng lực và có trình độ tổng hợp đa ngành, đa lĩnh vực.

Chánh Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh bố trí riêng, không bố trí Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kiêm nhiệm để đảm bảo chuyên trách, chuyên nghiệp, tuy nhiên đồng thời là Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, để có sự phối hợp chặt chẽ với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Văn phòng hoạt động độc lập, chuyên trách, chuyên nghiệp, có tài khoản, con dấu riêng.

Trong quá trình triển khai thực hiện, căn cứ chức năng nhiệm vụ, Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh đã làm tốt công tác tham mưu kịp thời cho thực hiện Chương trình nông thôn mới tỉnh, UBND tỉnh chỉ đạo, quản lý và tổ chức thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và Chương trình mỗi xã một sản phẩm trên địa bàn tỉnh đảm bảo hoàn thành theo đúng, đầy đủ các chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định tại Quyết định số 1920/QĐ-TTg ngày 05/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ.

Tuy vậy, với khối lượng công việc nhiều (cả Chương trình nông thôn mới và Chương trình OCOP) nhưng đến nay số lượng biên chế theo Đề án vị trí việc làm của Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh còn thiếu (theo Đề án vị trí việc làm 29 biên chế, hiện tại mới được bố trí 16 biên chế).

**3. Đối với các yêu cầu:**

- Tất cả các xã đã đạt chuẩn đều phải đạt chuẩn theo Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

- Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025 ≤1%

- Có mô hình điển hình, như: về hạ tầng số, kinh tế số nông thôn; du lịch cộng đồng nông thôn mới, Khu dân cư NTM kiểu mẫu thông minh; bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, lịch sử; môi trường; mỗi xã một sản phẩm.

- Dịch vụ công trực tuyến đạt mức độ 4 toàn hệ thống 3 cấp (tỉnh, huyện, xã).

- Tỷ lệ thôn đạt chuẩn Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu tối thiểu 75% tổng số thôn và tối thiểu 15% vườn hộ đạt chuẩn vườn mẫu.

- Có huyện đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao.

**Phần III**

**QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP**

**ĐỂ XÂY DỰNG THÀNH CÔNG TỈNH ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2021-2025**

**I. DỰ BÁO TÌNH HÌNH**

**1. Thuận lợi**

- Đảng, Nhà nước, Chính phủ và Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh tiếp tục dành ưu tiên, quan tâm chỉ đạo và bố trí nguồn lực cho nông nghiệp, nông thôn, xây dựng nông thôn mới.

- Kế thừa thành quả và bài học kinh nghiệm phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn trong 10 năm qua.

## - Hội nhập quốc tế mạnh mẽ mang đến cơ hội mở rộng thị trường, thu hút đầu tư, tăng năng lực và trình độ sản xuất nông nghiệp cả nước và Hà Tĩnh.

- Sự phát triển của khoa học công nghệ, nhất là cuộc cách mạnh công nghiệp 4.0 mở ra cơ hội để ngành nông nghiệp nâng cao hiệu quả quản lý tài nguyên, quản lý sản xuất, nâng cao năng suất, an toàn vệ sinh thực phẩm và giá trị gia tăng cho sản phẩm; tạo thuận lợi cho việc chuyển đổi cơ cấu sản xuất hiệu quả và phù hợp hơn.

**2. Khó khăn**

- Tác động của biến đổi khí hậu tới nông nghiệp và nông thôn sẽ ngày càng gia tăng và rõ rệt hơn, diễn biến thời tiết ngày càng phức tạp hơn, tần suất và cường độ thiên tai ngày càng lớn hơn, ảnh hưởng nghiêm trọng đến sản xuất nông nghiệp và đời sống của người dân, đòi hỏi phải có chiến lược phát triển nông nghiệp, nông thôn linh hoạt, khôn ngoan về phuong thức tổ chức sản xuất, kinh doanh, về phương thức tổ chức xã hội nông thôn nhằm tăng cường sử dụng công nghệ, giảm sử dụng tài nguyên, tăng khả năng chống chịu, tăng tính linh hoạt, thích ứng với biến đổi khí hậu và những thay đổi của thị trường.

- Những hạn chế, yếu kém nội tại của nền nông nghiệp nhỏ, lạc hậu chậm được khắc phục thời gian qua sẽ vẫn là thách thức lớn, đó là: Kinh tế hộ gia đình vẫn còn chiếm tỷ trọng lớn, ruộng đất sản xuất manh mún; áp dụng khoa học công nghệ, công nghiệp bảo quan, chế biến nông sản chậm phát triển; cơ cấu lao động chuyển dịch chậm, năng suất lao động và khả năng cạnh tranh thấp.

- Công nghiệp hóa và đô thị hóa tiếp tục phát triển nên quỹ đất sản xuất nông nghiệp sẽ giảm; tài nguyên rừng, nguồn lợi biển theo xu hướng giảm và khan hiếm dần; tăng sức ép môi trường lên khu vực nông thôn.

- Lao động nông nghiệp đang “già hóa”, “nữ hóa”; có sự chuyển dịch mạnh sang công nghiệp, dịch vụ phi nông nghiệp. Với sự phát triển mạnh của khoa học công nghệ (quá trình tự động hóa, cơ giới hóa sẽ giải phóng sức lao động), sẽ có một lượng lớn lao động mất việc quay trở lại nông nghiệp, nông thôn.

- Hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, thị trường tiêu thụ cả trong và ngoài nước ngày càng cạnh tranh gay gắt hơn. Năng lực, hiệu lực và hiệu quả của hệ thống tổ chức, bộ máy quản lý ngành còn nhiều bất cập; tư duy và phương thức quản lý, điều hành chậm đổi mới

**II. MỤC TIÊU**

## 1. Mục tiêu chung: Xây dựng Hà Tĩnh trở thành tỉnh có kinh tế, văn hóa phát triển, môi trường sống tốt, thích nghi với biến đổi khí hậu; hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ từng bước hiện đại; an ninh chính trị, văn hóa xã hội đảm bảo; thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn cao hơn bình quân các tỉnh khu vực Bắc Trung Bộ; người dân được nâng cao cả về thể chất, vật chất và tinh thần; phát huy cao những phẩm chất, cốt cách con người xứ Nghệ, góp phần tạo ra sức lan tỏa trên toàn quốc.

**2. Mục tiêu cụ thể:**

*- Xã đạt chuẩn nông thôn mới:* Dự kiến đến cuối năm 2022 có 100% số xã đạt chuẩn nông thôn mới. Năm 2020 dự kiến có thêm 15 xã đạt chuẩn, nâng tổng số xã đạt chuẩn toàn tỉnh là 169 xã/182 xã (chiếm 93% tổng số xã); năm 2021, dự kiến có thêm 8 xã đạt chuẩn; năm 2022, 5 xã còn lại đạt chuẩn.

*- Xây dựng huyện đạt chuẩn nông thôn mới:* Dự kiến đến cuối năm 2023, toàn tỉnh sẽ có 100% huyện đạt chuẩn nông thôn mới, 100% thị xã, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới. Năm 2024, huyện Nghi Xuân đạt chuẩn kiểu mẫu điển hình về văn hóa gắn với du lịch.

*- Đối với các tiêu chí cấp tỉnh*: Năm 2020 hoàn thành các tiêu chí: Quy hoạch, Chỉ đạo, điều phối thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới, Điện. Năm 2021, hoàn thành thêm các tiêu chí: An ninh- trật tự. Năm 2022, hoàn thành thêm tiêu chí Thủy lợi, Thông tin và Truyền thông. Năm 2023, hoàn thành thêm tiêu chí Sản xuất-kinh doanh; Giáo dục – y tế - văn hóa. Năm 2024, hoàn thành thêm tiêu chí Giao thông; Môi trường.

**III. NỘI DUNG – NHIỆM VỤ**

**1. Các xã chưa đạt chuẩn tập trung hoàn thành các nội dung, tiêu chí phấn đấu hoàn thành 100% xã đạt chuẩn nông thôn mới vào năm 2022**

**………………………….**

**2. Các xã đã đạt chuẩn duy trì, cập nhập các tiêu chí theo Bộ tiêu chí giai đoạn 2021-2025**

**……………………………………………..**

**3. Các huyện chưa đạt chuẩn hoàn thiện các nội dung, tiêu chí, phấn đấu đến năm 2023 có 100% số huyện đạt chuẩn, thành phố, thị xã hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới**

**…………………………………………………………**

**4. Hoàn thiện các tiêu chí tỉnh đạt chuẩn nông thôn mới**

**4.1 Quy hoạch:**

Hiện nay việc rà soát, điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh đến năm 2020 và lập quy hoạch tỉnh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 và 2050 đã trình các bộ ngành trung, đang trong quá trình hoàn thiện trình Thủ tướng chính phủ phê duyệt.

**4.2 Giao thông**

**\* Các tuyến đường tỉnh:**

(1) Đường tỉnh 546: Hiện còn đoạn đầu tuyến Km0+00 – Km5+400 dài 5,4 km mặt đường láng nhựa đã xuống cấp rộng 6m (đoạn Km2+00 – Km5+400 chuẩn bị được đầu tư trong dự án BIIG2 vay vốn ADB). Để đạt chuẩn đường tỉnh theo yêu cầu dự thảo tiêu chí cần nâng cấp đoạn đầu tuyến Km0+00 – Km2+00 lên đường cấp IV đồng bằng.

(2) Đường tỉnh 548: Hiện nay đoạn từ đầu tuyến đến QL.1 dài 11km đang được nâng cấp lên mặt đường bê tông nhựa trong dự án LRAMP. Đoạn từ QL.1 đến cuối tuyến mặt đường 6m, đã xuống cấp, để đạt chuẩn đường tỉnh theo yêu cầu dự thảo tiêu chí đề xuất nâng cấp đoạn tuyến này lên theo đường cấp IV đồng bằng (đang đề xuất nâng cấp trong dự án LRAMP).

(3) Đường tỉnh 549:Đoạn giao đường Nguyễn Huy Lung đến cầu Hộ Độ mặt đường láng nhựa đã xuống cấp, trên tuyến có cầu Hộ Độ không đáp ứng năng lực thông hành. Để đạt chuẩn đường tỉnh theo yêu cầu dự thảo tiêu chí, cần nâng cấp cải tạo mặt đường, chỉnh trang hạ tầng kỹ thuật đoạn 4,42km từ điểm giao đường Nguyễn Huy Lung đến cầu Hộ Độ và bổ sung 1 đơn nguyên cầu Hộ Độ (khổ cầu B=8,0m; chiều dài toàn cầu khoảng 238,0m).

(4) Đường tỉnh 550: Hiện nay, đoạn từ cầu Thạch Đồng đến Ngọc Sơn quy mô đã đạt đường cấp III đồng bằng, tuy nhiên đoạn từ Thạch Hải đến TP Hà Tĩnh mới đạt cấp VI đến cấp IV. Để đạt chuẩn theo yêu cầu dự thảo tiêu chí, cần nâng cấp đoạn từ đầu tuyến đến cầu Thạch Đồng đạt quy mô đường đô thị với nền đường 35m, mặt đường 15m theo quy hoạch, có giải phân cách giữa, có vỉa hè; và mở rộng 01 đơn nguyên cầu Thạch Đồng (khổ cầu B=8,0m, chiều dài toàn cầu khoảng152,0m).

(5) Đường tỉnh 551: Hiện nay đoạn Km0+00 – Km12+00 vừa mới được đầu tư nâng cấp lên mặt đường bê tông nhựa rộng 6,5m, nền đường 7,5m; đoạn từ Km12+400 - Km35+500 mới được đầu tư quy mô nền 7,5m, mặt 5,5m (cơ bản đạt cấp IV miền núi). Để đạt chuẩn đường tỉnh theo yêu cầu dự thảo tiêu chí, cần gia cố, mở rộng mặt đường đoạn Km12+400 (giao QL1) đến Km34+500 từ mặt 5,5m lên 6,5m; nâng cấp đoạn Km35+500 – Km44+800 dài 10,3 km đạt tiêu chuẩn đường cấp IV miền núi.

(6) Đường tỉnh 552: Hiện nay đoạn Km0+00 – Km3+800 đang được nâng cấp lên mặt đường thảm nhựa rộng 8m từ nguồn ngân sách tỉnh (vốn sửa chữa định kỳ), đoạn từ chợ Bộng (Km13+500) đến TT Vũ Quang (Km19+150) dài 5,65km chuẩn bị được đầu tư nâng cấp trong Dự án “Khắc phục khẩn cấp hậu quả thiên tai tại một số tỉnh miền Trung”, vốn WB đạt cấp IV miền núi (nền 7,5m, mặt 6,5m). Để đạt chuẩn đường tỉnh theo yêu cầu dự thảo tiêu chí, cần cải thiện, thảm bê tông nhựa mặt đường đoạn Km3+800 – Km7+800 (đến giao QL.281)**.**

(7) Đường tỉnh 553: Đoạn Km0+00 – Km7+00 đã đạt tiêu chuẩn đường cấp III. Để đạt chuẩn đường tỉnh theo yêu cầu dự thảo tiêu chí, cần đầu tư xây dựng đoạn Km28+500 - Km37+300 (Trại Nại, Lộc Yên - Đường Hồ Chí Minh) dài 8,8 km đạt quy mô đường cấp III miền núi nền 9m, mặt 8m; đoạn cuối tuyến dài 11,63 km cần đầu tư đạt quy mô đường cấp IV miền núi là phù hợp *(Riêng đoạn Km7+00 - Km28+500 (Ngã ba Thình Thình, Thạch Điền - Lộc Yên) dài 21,5 km là đoạn hiện nay chưa thông tuyến, nếu cân đối đủ nguồn vốn nên đầu tư trong giai đoạn 2021-2025, trường hợp khó khăn đề xuất đầu tư sau năm 2025; đoạn Km37+300 - Km50+450 đã được phê duyệt dự án đầu tư, nâng cấp với tổng mức đầu tư 145 tỷ đồng, nhưng chưa được bố trí vốn để triển khai).*

(8) Đường tỉnh 554: Để đạt chuẩn đường tỉnh theo yêu cầu dự thảo tiêu chí, cần đầu tư nâng cấp mở rộng các đoạn Km0+00 - Km4+600 dài 4,6 km, đoạn Km11+627 - Km33+800 dài 22,17km lên đường cấp IV miền núi; duy tu, mở rộng mặt đường đoạn Km103+100 - Km113+100 dài 10km đạt đường cấp IV miền núi (Riêng 28km đoạn Km63+100 - Km91+100 chưa thông tuyến đề xuất đầu tư trong giai đoạn sau 2025 (đoạn tuyến này gần đường cao tốc Bắc Nam).

(9) Đường tỉnh 555: Hiện nay quy mô đoạn tuyến cơ bản đã đạt theo quy hoạch cấp III MN; riêng đoạn Km16+800 đến cuối tuyến đạt đường cấp IV MN, cần duy tu, BDTX đảm bảo chất lượng khai thác.

**\* Đề xuất đầu tư, nâng cấp một số tuyến đường khác trong giai đoạn 2021-2025** *(đây là các tuyến có vai trò, vị trí quan trọng trong mạng lưới giao thông vận tải tỉnh):*

(1) Đề xuất đầu tư Đường Hàm Nghi kéo dài kết nối với đường cao tốc và tuyến nhánh đường Quốc lộ 8C, huyện Thạch Hà dài 3,4km trong giai đoạn 2021-2025 với quy mô tương đương đường Hàm Nghi hiện trạng. Đây là tuyến đường giúp kết nối thành phố Hà Tĩnh với hệ thống đường bộ cao tốc Bắc Nam, đường sắt cao tốc đang từng bước đầu tư và tuyến nhánh Quốc lộ 8C; góp phần chỉnh trang và phát triển không gian đô thị cho thành phố Hà Tĩnh; đáp ứng nhu cầu đi lại thuận lợi cho nhân dân; thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội cho các xã phía Tây huyện Thạch Hà và thành phố Hà Tĩnh.

(2) Đề xuất đầu tư tuyến đường nối Quốc lộ 1 tại ngã ba Thạch Long đi đường tỉnh ĐT.549 có chiều dài 6,5km trong giai đoạn 2021-2025. Đây là tuyến đường để kết nối hạ tầng giao thông giữa huyện Thạch Hà với huyện Lộc Hà, kết nối Quốc lộ 1 với đường tỉnh ĐT.549 và đường ven biển; phục vụ công tác cứu hộ cứu nạn công trình thủy lợi Para Đò Điệm.

(3) Đề xuất đầu tư xây dựng đường nối Quốc lộ 1 đi Khu du lịch biển Kỳ Xuân, huyện Kỳ Anh dài 6,7 km đạt tiêu chuẩn đường cấp III đồng bằngtrong giai đoạn 2021-2025. Đây là một trong các trục ngang có ý nghĩa hết sức quan trọng đối với tỉnh Hà Tĩnh, nằm trong hệ thống mạng lưới giao thông tỉnh, nhằm nối Quốc lộ 1với khu dịch vụ - du lịch dọc theo bờ biển huyện Kỳ Anh; góp phần phát triển kinh tế xã hội của vùng, thương mại du lịch và dịch vụ, thu hút các nhà đầu tư vào khu du lịch biển Kỳ Xuân.

(4) Đề xuất bố trí đủ vốn để đầu tư hoàn thiện cầu Thọ Tường và đường hai đầu cầu đúng tiến độ.

**4.3 Thủy lợi**

- Sữa chữa, nâng cấp 69 công trình hồ đập bị hư hỏng xuống cấp, mất an toàn thì kinh phí dự kiến là 1.090 tỷ đồng, trong đó bố trí từ ngân sách nhà nước các cấp là 363 tỷ đồng, từ nguồn vốn khác là 727 tỷ đồng.

- Đầu tư làm mới, nâng cấp, sửa chữa các tuyến đê biển, đê cửa sông, xây dựng kè chống sạt lở bờ sông trên địa bàn tỉnh với tổng kinh phí ước tính 2.550 tỷ trong đó ngân sách nhà nước các cấp 1.785 tỷ đồng, nguồn vốn khác 765 tỷ đồng.

- Nạo vét các trục tiêu chính trên địa bàn tỉnh với tổng kinh phí ước tính 950 tỷ đồng, trong đó ngân sách nhà nước các cấp 665 tỷ đồng, nguồn vốn khác 285 tỷ đồng

- Kiên cố hóa kênh mương nội đồng: Kiên cố hóa thêm 834km, tổng kinh phí thực hiện dự kiến là 542 tỷ đồng (trung bình 650 triệu/1km kênh), trong đó ngân sách nhà nước hỗ trợ 60 tỷ đồng, người dân đóng góp 482 tỷ đồng.

- Xây dựng hệ thống tưới tiên tiến, tiết kiệm nước: Vận động người dân, có các chính sách hỗ trợ, lồng ghép từ các chương trình dự án để xây dựng hệ thống tưới tiên tiến, tiết kiệm nước cho 474 ha cây trồng cạn chủ lực, tập trung để đảm bảo tỷ lệ từ 25% trở lên. Tổng kinh phí ước tính 28,5 tỷ đồng (trung bình 60 triệu đồng/ha). Trong đó nhà nước hỗ trợ 5 tỷ đồng, người dân đóng góp 23,5 tỷ đồng.

- Thực hiện Luật Thủy lợi và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Thủy lợi: Lập, phê duyệt và thực hiện quy trình vận hành hồ chứa nước; lắp đặt thiết bị quan trắc công trình, hệ thống quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng trên lưu vực hồ chứa nước; lắp đặt hệ thống giám sát vận hành hồ chứa, hệ thống thông tin cảnh báo an toàn cho đập và vùng hạ du; lưu trữ hồ sơ, hệ thống cơ sở dữ liệu; xây dựng quy trình vận hành cửa van, quy trình bảo trì công trình; thực hiện cắm mốc chỉ giới xác định phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa nước; xây dựng phương án bảo vệ, phương án ứng phó thiên tai, phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp cho đập, hồ chứa nước; thực hiện kiểm tra, kiểm định và kiểm tra tính toán lại dòng chảy lũ, khả năng xả lũ của đập, hồ chứa nước; nâng cao năng lực đội ngũ quản lý, khai thác công trình thủy lợi.Tổng kinh phí ước tính 600 tỷ đồng từ ngân sách nhà nước các cấp.

- Tập huấn, phổ biến nâng cao nhận thức cộng đồng về công tác phòng chống thiên tai: Kinh phí hỗ trợ mỗi năm là 02 tỷ đồng, giai đoạn 2021-2025 là 10 tỷ đồng.

**4.4 Điện**

- Đầu tư nguồn điện đồng bộ theo quy hoạch: hoàn thành xây dựng TBA 110 kV Hồng Lĩnh và thành phố Hà Tĩnh; xây dựng TBA 110 kV Vũ Quang, Lộc Hà, Kỳ Anh 2; cải tạo công suất 8 TBA 110kV; xây mới 04 đường dây 110kV với tổng chiều dài 20,2km, cải tạo nâng công suất khả năng tải 01 đường dây 110kV với chiều dài 56,4kV…

- Cải tạo lưới điện 10kV (còn lại) lên 22kV hoặc 35kV trên địa bàn toàn tỉnh.

- Rà soát, di dời hệ thống cột điện vi phạm quy hoạch, hành lang đường giao thông.

- Nâng cấp, cải tạo lưới điện hạ áp, giảm bán kính cấp điện ở những địa bàn đảm bảo tiêu chuẩn dưới 1,5km đối với vùng miền núi, vùng sâu vùng xa.

- Đầu tư TBA, hệ thống điện phục vụ các vùng sản xuất tập trung.

- Nâng cấp, cải tạo hệ thống điện hạ áp, trung áp đảm bảo nhu cầu sử dụng điện; nâng cao độ tin cậy cung cấp điện và giảm tổn thất điện năng; xây dựng các xuất tuyến cung cấp điện có dự phòng cho phát triển trong tương lai; hiện đại hóa các thiết bị bảo vệ, điều khiển, đóng cắt; đầu tư nâng tiết diện dây dẫn trung, hạ áp; giảm khoảng cách dây dẫn sau công tơ về hộ gia đình…

- Chỉnh trang, thay thế hệ thống điện sau công tơ của hộ dân.

**4.5 Thông tin và truyền thông**

- Đầu tư hệ thống cáp quang để có thể kéo đến 26 thôn với tổng chiều dài là 310km;

- Thực hiện xây dựng hệ thống mạng TSLCD cấp II trên địa bàn tỉnh trong năm 2020 đáp ứng yêu cầu Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ và đồng bộ toàn tỉnh. Xây dựng kết nối mạng TSLCD ở các cơ quan nhà nước gồm: Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện và cấp xã và các đơn vị trực thuộc có kết nối gửi nhận văn bản điện tử trên địa bàn.

- Sau khi hoàn thành việc xây dựng mạng TSLCD cấp II trên địa bàn toàn tỉnh, tiếp tục lập dự án đầu tư cơ sở vật chất phòng hội nghị, trang thiết bị truyền hình trực tuyến, thực hiện kết nối. Thực hiện tại 11 đơn vị cấp huyện gồm: Thành phố Hà Tĩnh, thị xã Hồng Lĩnh, các huyện: Kỳ Anh, Cẩm Xuyên, Lộc Hà, Thạch Hà, Can Lộc, Đức Thọ, Hương Sơn, Vũ Quang, Hương Khê và 118 đơn vị cấp xã tại các đơn vị trên

**4.6 Giáo dục - Y tế - Văn hóa**

**a) Giáo dục**

**-----------**

**b) Y tế**

- Mở rộng bệnh viện, xây dựng trung tâm sản nhi BVĐK tỉnh: 120 tỷ đồng.

- Mua sắm trang thiết bị cho các bệnh viện tuyến tỉnh: 200 tỷ đồng.

- Xây dựng Bệnh viện Y học cổ truyền Hà Tĩnh (giai đoạn 2): 45,081 tỷ đồng.

- Xây dựng labo kiểm nghiệm thực phẩm và đầu tư trang thiết bị đi kèm tại Trung tâm kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm Hà Tĩnh: 11,523 tỷ đồng.

- Cải tạo, nâng cấp hệ thống xử lý nước thải tại các bệnh viện tuyến tỉnh: 20 tỷ đồng.

- Đầu tư hoàn thiện cơ sở hạ tầng Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh: 20 tỷ đồng.

- Đầu tư khu nhà Khám chữa bệnh đa chức năng 7 tầng BVĐK huyện Cẩm Xuyên: 85 tỷ đồng.

- Mua sắm trang thiết bị cho các Bệnh viện/Trung tâm Y tế tuyến huyện: 200 tỷ đồng.

-. Đầu tư Xây dựng khoa ngoại, khoa sản, khoa nhi - BVĐK huyện Đức Thọ: 42 tỷ đồng.

- Đầu tư xây mới nhà kỹ thuật 2 tầng Bệnh viện đa khoa huyện Đức Thọ: 15 tỷ đồng.

- Cải tạo, nâng cấp hệ thống xử lý nước thải tại các Bệnh viện/Trung tâm y tế tuyến huyện: 40 tỷ đồng.

- Đầu tư xây mới khu điều trị nội trú BVĐK huyện Can Lộc: 50 tỷ đồng.

- Đầu tư xây mới Nhà điều trị Nội - Nhi - 3 chuyên khoa - YHCT, bệnh viện đa khoa huyện Nghi Xuân: 25 tỷ đồng.

**c) Văn hóa**

- Nâng cấp Trung tâm văn hóa tỉnh gồm các hạng mục: Xây trụ sở làm việc Trung tâm; nâng cấp hội trường đa năng; nâng cấp khu tổ chức các loại hình nghiệp vụ nghệ thuật quần chúng, tuyên truyền, cổ động, triển lãm; nâng cấp khu sinh hoạt câu lạc bộ, học tập nghiệp vụ và bồi dưỡng các lớp năng khiếu; hoàn thiện khu dịch vụ, giải trí, rèn luyện thể chất, khu cây xanh, vườn hoa, cây cảnh; bổ sung phương tiện chuyên dùng: các thiết bị chức năng và xe ô tô chuyên dùng để thực hiện chức năng nhiệm vụ theo quy định.

- Xây dựng Nhà hát nghệ thuật truyền thống để phục vụ nhiệm vụ chính trị và bảo tồn các loại hình nghệ thuật truyền thống và các giá trị văn hóa phi vật thể nói chung và Dân ca Ví, Giặm nói riêng.

- Xây dựng Bảo tàng tỉnh để bảo quản, lưu trữ, trưng bày, giới thiệu các di vật, bảo vật quốc gia, các hiện vật quý hiện có và giới thiệu quảng bá văn hóa lịch sử đến nhân dân và bạn bè quốc tế.

- Xây dựng Trung tâm Văn hóa thanh - thiếu - nhi nhằm đào tạo, bồi dưỡng năng khiếu cho thanh thiếu nhi về văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao và các kỹ năng sống, góp phần đáp ứng nhu cầu học tập, vui chơi, giải trí phát triển thể chất và tinh thần cho thanh thiếu nhi trong tỉnh.

- Nâng cấp Trung tâm thể thao tỉnh và các công trình thể thao cấp tỉnh gồm: Nâng cấp nhà ở vận động viên các môn và xây dựng nhà ở đội bóng đá chuyên nghiệp; nâng cấp bể bơi (lát mặt sàn, nhà điều hành, khu tắm sạch, khu vệ sinh…) phục vụ tập luyện, thi đấu và nhu cầu giải trí của nhân dân đồng thời tổ chức dạy bơi, cứu đuối thực hiện Chương trình phòng, chống tai nạn thương tích, đuối nước cho trẻ em của Chính phủ.

**4.7 Sản xuất - Kinh doanh**

**- Sở Nông nghiệp và PTNT**

**- Sở Công thương**

**4.8 Môi trường**

- Thực hiện các dự án xử lý rác thải tập trung tại các địa phương đã quy hoạch theo quyết định 418/QĐ-UBND đảm bảo theo công suất đã được chấp thận chủ trương đầu tư bao gồm 08 khu xử lý rác thải đã được đầu tư và quy hoạch như: Nhà máy chế biến rác thải sinh hoạt tại xã Cẩm Quan huyện Cẩm Xuyên (300-500 tấn/ngày); nhà máy chế biến rác thải sinh hoạt xã Kỳ Tân (240 tấn/ngày); Khu xử lý Thị trấn Nghèn (Can Lộc) 40 tấn/ngày; Lò đốt Xã Xuân Thành, Nghi Xuân (15 tấn/ngày); Lò đốt Cương gián, Nghi Xuân (10 tấn/ngày); Lò đốt thị trấn Phố Châu, Hương Sơn (10 tấn/ngày); Nhà máy tại xã Hồng Lộc, Lộc Hà (150 tấn/ngày), Bãi chôn lấp thị trấn Vũ Quang (1,0 tấn/ngày).

- Kêu gọi xã hội hóa xây dựng Dự án xây dựng 01 nhà máy xử lý rác công nghệ hiện đại (xây dựng mới tại phường Đậu Liêu, thị xã Hồng Lĩnh, hoặc tại xã Cẩm Quan huyện Cẩm xuyên;

**4.9 An ninh, trật tự**

- Tiếp tục chỉ đạo Công an các đơn vị, địa phương chủ động làm tốt công tác nắm, dự báo tình hình, tham mưu kịp thời cho cấp ủy, chính quyền các cấp giải quyết tốt các vấn đề phức tạp phát sinh liên quan đến ANTT ngay tại cơ sở,

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục để nhân dân nâng cao cảnh giác chủ động phòng ngừa, đấu tranh làm thất bại chiến lược “Diễn biến hòa bình”, “Bạo loạn lật đổ” của các thế lực thù địch. Tập trung lực lượng, mở nhiều đợt cao điểm tấn công, trấn áp các loại tội phạm, từng bước kiềm chế, làm giảm các loại tội phạm, tệ nạn xã hội trên địa bàn, góp phần xây dựng môi trường xã hội lành mạnh.

- Thực hiện tốt chức năng quản lý Nhà nước trên các lĩnh vực an toàn giao thông; phòng, chống cháy nổ; phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn; quản lý nhân, hộ khẩu; quản lý ngành, nghề kinh doanh có điều kiện về ANTT.

- Chỉ đạo, hướng dẫn Công an các huyện Vũ Quang, Kỳ Anh, Hương Khê và thị xã Kỳ Anh tập trung thực hiện các giải pháp chuyển hóa địa bàn, đưa 23 xã, thị trấn còn lại ra khỏi diện xã trọng điểm, phức tạp về ANTT.

- Tập trung củng cố, xây dựng lực lượng Công an xã thực sự trong sạch vững mạnh làm nòng cốt trong phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc ở địa bàn cơ sở.

- Tổ chức tập huấn nghiệp vụ công tác Công an tham gia thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới cho lãnh đạo, cán bộ chuyên trách xây dựng nông thôn mới Công an cấp huyện và lực lượng Công an xã.

- Phát động mạnh mẽ phong trào toàn dân bảo vệ ANTQ, xây dựng mới, củng cố và nhân rộng các mô hình tự phòng, tự quản về ANTT tại cơ sở; tiếp tục chỉ đạo tổ chức diễn đàn “Công an lắng nghe ý kiến của nhân dân”; đẩy mạnh việc thực hiện công tác dân vận, các Nghị quyết liên tịch Công an với các ngành, đoàn thể đã ký kết.

- Tăng cường công tác kiểm tra, hướng dẫn công tác Công an tham gia thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tại cơ sở; định kỳ tổ chức sơ, tổng kết, đánh giá rút kinh nghiệm để nhân rộng, đưa công tác Công an tham gia thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới ngày càng đạt hiệu quả cao hơn.

**4.10 Chỉ đạo, điều phối thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới**

Bổ sung đủ biên chế theo Đề án vị trí việc làm cho Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh đảm bảo hoạt động chuyên trách, chuyên nghiệp, hiệu quả.

**5. Hoàn thiện các yêu cầu tỉnh đạt chuẩn nông thôn mới**

- Tất cả các xã đã đạt chuẩn đều phải đạt chuẩn theo Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

- Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025 ≤1%

- Có mô hình điển hình, như: về hạ tầng số, kinh tế số nông thôn; du lịch cộng đồng nông thôn mới, Khu dân cư NTM kiểu mẫu thông minh; bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, lịch sử; môi trường; mỗi xã một sản phẩm.

- Dịch vụ công trực tuyến đạt mức độ 4 toàn hệ thống 3 cấp (tỉnh, huyện, xã).

- Tỷ lệ thôn đạt chuẩn Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu tối thiểu 75% tổng số thôn và tối thiểu 15% vườn hộ đạt chuẩn vườn mẫu.

- Có huyện đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao.

**6. Nguồn lực thực hiện: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính soát xét, đề xuất sau khi làm việc với các sở ngành**

\* Tổng nhu cầu vốn thực hiện Đề án: … tỷ đồng, trong đó: Ngân sách Trung ương trực tiếp; Ngân sách địa phương (Ngân sách của tỉnh; Ngân sách huyện; Ngân sách xã); vốn lồng ghép; vốn doanh nghiệp; vốn tín dụng; Đóng góp của nhân dân và các nguồn khác.

\* Tổng vốn tối thiểu để hoàn thành các tiêu chí tỉnh nông thôn mới (có đề xuất danh mục các Chương trình, dự án trọng điểm thực hiện giai đoạn 2021-2025): Tổng vốn; cơ cấu các nguồn, kèm danh mục các Chương trình, Dự án trọng điểm

DANH MỤC CÁC CHƯƠNG TRÌNH/DỰ ÁN TRỌNG ĐIỂM ƯU TIÊN ĐẦU TƯ TRONG GIAI ĐOẠN 2020-2025

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Danh mục các chương trình/dự án** | **Thời gian triển khai, hoàn thành** | **Kinh phí thực hiện (triệu đồng)** |
| 1 | Xây dựng dự án thí điểm hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt cho cụm dân cư tại 13 địa phương. | 2025 | 13.000 |
| 2 | Xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải cụm công nghiệp, làng nghề |  |  |
| 3 | Dự án xử lý hóa chất BVTV tồn lưu tại 16 điểm ONMT cao | 2025 | 112.600 |
| 4 |  |  |  |
| 5 |  |  |  |
| …. |  |  |  |

**PHẦN IV**

**TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**I. Lộ trình thực hiện**

- Đối với cấp xã: Đến năm 2022, các xã đã đạt chuẩn củng cố, cập nhập tiêu chí theo Bộ tiêu chí mới; 27 xã còn lại đạt chuẩn nông thôn mới; số xã đạt nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu.

- Đối với cấp huyện: Năm 2020: Có thêm 4 huyện đạt chuẩn: Đức Thọ, Thạch Hà, Vũ Quang, Lộc Hà; năm 2021 có TX Kỳ Anh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới; năm 2022: huyện Kỳ Anh đạt chuẩn nông thôn mới; năm 2023: Hương Khê đạt chuẩn nông thôn mới. Như vậy, đến năm 2023, toàn tỉnh có 100% huyện đạt chuẩn nông thôn mới, thị xã, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới.

- Đối với cấp tỉnh: Hoàn thành các tiêu chí tỉnh NTM và yêu cầu tỉnh nông thôn mới vào năm 2024.

**II. Các giải pháp thực hiện**

**1. Giải pháp về lãnh đạo, chỉ đạo**

**2. Giải pháp về tuyên truyền, vận động**

**3. Giải pháp về kiện toàn bộ máy quản lý, giám sát thực hiện**

**4. Giải pháp về cơ chế, chính sách**

**5. Giải pháp về huy động vốn**

**PHẦN V**

**ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ**

**\* Đối với Trung ương:**

- Cơ chế đặc thù: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh đề xuất.

**\* Đối với các Bộ ngành:**

Đề nghị Chính phủ phân công giao nhiệm vụ các bộ ngành giúp tỉnh Hà Tĩnh thực hiện các dự án

**1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:**

- Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan theo dõi, chỉ đạo, hướng dẫn, phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh thực hiện các nhiệm vụ của Đề án theo đúng tiến độ;

- Ưu tiên bố trí nguồn vốn để triển khai các dự án trong lĩnh vực phát triển nông nghiệp, nông thôn, cơ cấu lại nông nghiệp, giảm thiểu thiên tai từ nguồn vốn ngành hoặc lồng ghép vào Chương trình mục tiêu quốc gia do Bộ chủ trì;

- Chỉ đạo, hỗ trợ, tư vấn việc xây dựng các nhà máy chế biến các sản phẩm chủ lực của tỉnh;

- Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan, hàng năm tổ chức giám sát, đánh giá đầu tư theo nội dung Đề án; kịp thời giải quyết khó khăn, vướng mắc của địa phương theo thẩm quyền, trường hợp vượt thẩm quyền, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

**2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư:**

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính và các bộ, ngành liên quan cân đối, ưu tiên bố trí các dự án của Đề án lồng ghép vào các Chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình hỗ trợ có mục tiêu khác trong trung hạn từ năm 2021-2025 để tỉnh Hà Tĩnh thực hiện Đề án đúng tiến độ, thời gian quy định;

- Ưu tiên bố trí nguồn vốn để triển khai các dự án trong lĩnh vực phát triển kinh tế - xã hội thuộc thẩm quyền từ nguồn vốn ngành do bộ chủ trì;

- Phối hợp với các bộ, ngành liên quan đề xuất các nguồn vốn khác hỗ trợ cho tỉnh Hà Tĩnh thực hiện Đề án (bao gồm cả các dự án ODA), hướng dẫn việc sử dụng, thực hiện dự án theo đúng quy định.

**3. Bộ Tài chính:**

- Đề xuất các nguồn vốn khác hỗ trợ cho tỉnh Hà Tĩnh thực hiện Đề án (bao gồm cả các dự án ODA), hướng dẫn việc sử dụng, thực hiện dự án theo đúng quy định;

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các bộ, ngành liên quan cân đối, ưu tiên bố trí vốn sự nghiệp cho các nhiệm vụ thuộc Đề án từ nguồn vốn các Chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình hỗ trợ có mục tiêu khác trong trung hạn giai đoạn 2021-2025 để tỉnh Hà Tĩnh thực hiện Đề án đúng tiến độ, thời gian quy định.

**4. Bộ Giao thông vận tải:**

- Chỉ đạo đầu tư nâng cấp các hạng mục giao thông cấp quốc gia đi qua địa bàn tỉnh Hà Tĩnh;

- Ưu tiên bố trí nguồn vốn để triển khai các dự án trong lĩnh vực phát triển hạ tầng giao thông nông thôn thuộc thẩm quyền từ nguồn vốn ngành hoặc lồng ghép vào các chương trình, dự án do bộ chủ trì.

**5. Bộ Công Thương:**

- Chỉ đạo Tập đoàn Điện lực Việt Nam cải tạo, chỉnh trang mạng lưới cấp điện trên địa bàn, đảm bảo an toàn và mỹ quan chung;

- Ưu tiên bố trí nguồn vốn để triển khai các dự án trong lĩnh vực phát triển mạng lưới chợ, cấp điện nông thôn thuộc thẩm quyền, từ nguồn vốn ngành hoặc lồng ghép vào các chương trình, dự án do bộ chủ trì.

**6. Bộ Thông tin và Truyền thông:**

- Có phương án hỗ trợ phát triển hạ tầng viễn thông tại vùng sâu, vùng xa bằng nguồn Quỹ Dịch vụ Viễn thông công ích. Chỉ đạo Tập đoàn Bưu chính, Viễn thông Việt Nam, Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội và các Tổng công ty Viễn thông thực hiện việc xây dựng hạ tầng cáp quang băng rộng đến 100% số thôn trên địa bàn Hà Tĩnh.

- Hỗ trợ Hà Tĩnh các phương án kỹ thuật để kết nối vào hệ thống truyền số liệu chuyên dùng liên thông 04 cấp (tỉnh, huyện, xã) và trung ương;

- Ưu tiên bố trí nguồn vốn để triển khai các dự án trong lĩnh vực phát triển công nghệ thông tin, viễn thông thuộc thẩm quyền từ nguồn vốn ngành hoặc lồng ghép vào các chương trình, dự án do bộ chủ trì.

**7. Bộ Tài nguyên và Môi trường:**

Ưu tiên bố trí vốn để triển khai các dự án trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, xử lý chất thải rắn, xử lý hóa chất BVTV tồn lưu trên địa bàn, cấp thoát nước nông thôn và phòng chống thiên tai, biến đổi khí hậu thuộc thẩm quyền từ nguồn vốn ngành hoặc lồng ghép vào các chương trình, dự án do bộ chủ trì.

**8. Bộ Y tế:**

Ưu tiên bố trí nguồn vốn để triển khai các dự án trong lĩnh vực phát triển hạ tầng y tế, chăm sóc sức khỏe cộng đồng thuộc thẩm quyền từ nguồn vốn ngành hoặc lồng ghép vào các chương trình, dự án do bộ chủ trì.

- Sớm ban hành văn bản hướng dẫn xếp hạng các đơn vị sự nghiệp y tế (thay thế Thông tư 23/2005/TT-BYT ngày 25/8/2005) phù hợp với mô hình tổ chức hiện nay để có căn cứ trong việc xây dựng cũng như đánh giá tiêu chí NTM cấp tỉnh, cấp huyện.

**9. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch**

Ưu tiên bố trí nguồn vốn để triển khai các dự án trong lĩnh vực phát triển văn hóa, du lịch, thể thao thuộc thẩm quyền từ nguồn vốn ngành hoặc lồng ghép vào các chương trình, dự án do bộ chủ tr

**10. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội:**

Ưu tiên bố trí nguồn vốn để triển khai các dự án trong lĩnh vực đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đào tạo nghề thuộc thẩm quyền từ nguồn vốn sự nghiệp hoặc lồng ghép vào Chương trình mục tiêu quốc gia do bộ chủ trì.

**11. Bộ Giáo dục và Đào tạo:**

- Ưu tiên bố trí nguồn vốn để triển khai các dự án trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo thuộc thẩm quyền từ nguồn vốn sự nghiệp hoặc lồng ghép vào các chương trình, dự án do bộ chủ trì;

- Hỗ trợ triển khai xây dựng mô hình giáo dục STEM tiêu biểu, hoạt động hiệu quả.

**12. Bộ Khoa học và Công nghệ:**

Ưu tiên bố trí nguồn vốn để triển khai các dự án trong lĩnh xây dựng và phát triển thương hiệu nông sản, chuyển giao công nghệ trong sản xuất và phục vụ đời sống nông thôn thuộc thẩm quyền từ nguồn vốn sự nghiệp hoặc lồng ghép vào các chương trình, dự án do bộ chủ trì.

**13. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh**

- Chỉ đạo, hướng dẫn các Sở, ngành, các thành phố, huyện, thị xã thực hiện các nội dung trong Đề án đã được phê duyệt; căn cứ vào tính cấp thiết của từng hạng mục đầu tư, tiến hành lập dự án, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. Trong giai đoạn 2021-2025, tập trung ưu tiên lựa chọn các hạng mục công trình (Danh mục dự án công trình trọng điểm); xây dựng kế hoạch đầu tư, quản lý, tổ chức thực hiện các dự án theo quy định của Luật Đầu tư công;

- Bố trí nguồn ngân sách của tỉnh để hoàn thành 100% số xã đạt chuẩn NTM, 100% huyện, thành phố, thị xã đạt chuẩn và hoàn thiện các tiêu chí tỉnh nông thôn mới. Huy động và lồng ghép các nguồn vốn khác (kể cả các dự án ODA) trên địa bàn để thực hiện Đề án có hiệu quả;

- Nghiên cứu xây dựng, ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành một số cơ chế, chính sách phù hợp để xây dựng thành công tỉnh đạt chuẩn nông thôn mới;a

- Theo dõi, kiểm tra giám sát, tổng hợp tình hình, xử lý kịp thời khó khăn, vướng mắc, không để xảy ra nợ đọng, tiêu cực, tham nhũng, lãng phí trong quá trình thực hiện hỗ trợ và đầu tư các dự án;

- Định kỳ (6 tháng và hằng năm) báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện Đề án; kịp thời phản ánh những khó khăn, vướng mắc và đề xuất giải pháp tháo gỡ trong quá trình thực hiện Đề án.

1. Năm 2016 giảm 14,6%; năm 2017 tăng 9,9%, năm 2018 tăng 20,4%, năm 2019 tăng 11%, dự kiến năm 2020 tăng 10,5%. [↑](#footnote-ref-1)
2. Năm 2015 đạt 55,676 nghìn tỷ đồng; năm 2020 đạt trên 88 nghìn tỷ đồng. [↑](#footnote-ref-2)
3. Cơ cấu lao động đang hoạt động trong khu vực nông, lâm thủy sản; công nghiệp-xây dựng và dịch vụ năm 2015 và đến năm 2019 lần lượt là: 55,5% - 16,2% - 28,3% và 43% - 23,7% - 33,3%. [↑](#footnote-ref-3)